

LƯƠNG QUỲNH TRANG

ENGLISH LANGUAGE TEACHER TRAINING MATERIAL

TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MỚI

TIẾNG ANH 8 GLOBAL SUCCESS

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Unit 4 ETHNIC GROUPS OF VIET NAM

THIS UNIT INCLUDES:

- Vocabulary**
The lifestyle of ethnic groups
- Pronunciation**
Sounds: /x/ and /g/
- Grammar**
• Yes / No and Wh-questions
• Countable and uncountable nouns

Skills

- Reading about stilt houses
- Talking about the type of home you live in
- Listening about the life of minority children
- Writing a paragraph about the things you do to help your family

Everyday English

- Giving opinions

GETTING STARTED

I'm from the Tay ethnic group.

1 Listen and read. (2x)

Tom: Hi, I'm Tom. You look new here.

Lai: I am. I'm Lai from Ha Giang.

Tom: Oh, I've heard about beautiful Ha Giang. Do you live in the mountains?

Lai: Yes, I do. I'm from the Tay ethnic group. We are the second largest ethnic group in Viet Nam, only after the Kinh.

Tom: Oh... I once saw a bamboo house on high posts in a travel brochure. Do you live in a home like that?

Lai: Yes, we call it a "stilt house". Our house overlooks terraced fields.

Tom: Awesome. What is life in your village like?

Lai: It's peaceful. There are 16 houses in my village. We live very close to nature.

Tom: I love it. Can you tell me something about your culture?

Lai: Certainly. We have our own culture. You can see it in our folk dances, musical instruments like the dan tinh, and our special live-colour sticky rice.

Tom: It sounds interesting. I hope to visit Ha Giang one day.



LƯƠNG QUỲNH TRANG

**ENGLISH LANGUAGE
TEACHER TRAINING MATERIAL**

TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MỚI

TIẾNG ANH 8
GLOBAL SUCCESS

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH	3
1. Giới thiệu chung	3
2. Điểm khác biệt giữa Chương trình Tiếng Anh 2018 và Chương trình Tiếng Anh thí điểm	7
II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SGK TIẾNG ANH 8 - GLOBAL SUCCESS	8
1. Quan điểm tiếp cận / Nguyên tắc, phương pháp biên soạn	8
2. Nội dung Sách học sinh	9
3. Cấu trúc sách Tiếng Anh 8 - Sách học sinh và cấu trúc bài học	11
III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC / TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	27
1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học / tổ chức hoạt động	27
2. Hướng dẫn, gợi ý phương pháp, cách thức tổ chức dạy học / hoạt động	27
3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài / hoạt động điển hình	28
IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	28
1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực	28
2. Gợi ý, ví dụ minh họa về đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá	29
V. TÀI NGUYÊN VÀ HỢP PHẦN BỔ TRỢ	30
1. Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách giáo viên	30
2. Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách bài tập	31
3. Hệ thống sách tham khảo	32
4. Nguồn tài nguyên và hợp phần bổ trợ tại website hoclieu.vn	33

PHẦN 2: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

I. QUY TRÌNH THIẾT KẾ BÀI DẠY (GIÁO ÁN)	35
1. Một số nguyên tắc khi soạn giáo án	35
2. Các bước tiến hành	35
II. BÀI SOẠN MINH HỌA	37

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Tiếng Anh là môn học bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12, trong đó có lớp 8. Là một trong những môn học công cụ ở trường phổ thông, môn Tiếng Anh không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, để sống và làm việc hiệu quả hơn, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Môn Tiếng Anh cung cấp cho học sinh một công cụ giao tiếp quốc tế quan trọng, giúp các em trao đổi thông tin, tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến, tìm hiểu các nền văn hoá, qua đó góp phần tạo dựng sự hiểu biết giữa các dân tộc, hình thành ý thức công dân toàn cầu, góp phần vào việc phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Thông qua việc học Tiếng Anh và tìm hiểu các nền văn hóa khác nhau, học sinh có thể hiểu rõ hơn, thêm yêu ngôn ngữ và nền văn hóa của dân tộc mình.

I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG ANH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Giới thiệu chung

1.1. Nội dung

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng của chúng ta - Di sản của chúng ta - Thế giới của chúng ta - Tầm nhìn tương lai 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuổi thiếu niên - Hoạt động trong thời gian rảnh rỗi - Cuộc sống ở nông thôn - Phong tục và tập quán 	<p>NGHE</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản. 	<p>Ngữ âm</p> <p>Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu.</p> <p>Từ vựng</p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 8.</p>

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	<ul style="list-style-type: none"> - Các dân tộc ở Việt Nam - Thảm họa thiên nhiên - Bảo vệ môi trường - Khoa học và công nghệ - Cuộc sống trên các hành tinh khác ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 140 - 160 từ về các chủ đề trong Chương trình. - Nghe hiểu nội dung chính các thông báo đơn giản, được nói rõ ràng liên quan đến các chủ đề trong Chương trình. <p>NÓI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản. - Nói các chỉ dẫn đơn giản sử dụng trong giao tiếp hàng ngày liên quan đến các chủ điểm đã học. - Tham gia các hội thoại ngắn, đơn giản về các chủ điểm quen thuộc. - Trình bày ngắn gọn, có chuẩn bị trước các dự án về các chủ điểm quen thuộc. <p>ĐỌC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 150 - 180 từ về các chủ đề quen thuộc. 	<p>Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thì tương lai đơn (củng cố và mở rộng) - Thì quá khứ tiếp diễn - Thì hiện tại đơn với nghĩa tương lai - Động từ (chỉ sự thích) + danh động từ (<i>V-ing</i>) - Động từ (chỉ sự thích) + động từ nguyên thể có <i>to</i> - Câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No question</i>) - Các loại câu: câu đơn/ câu nối/ câu phức - Câu điều kiện loại 1 (củng cố và mở rộng) - Câu tường thuật: câu kể, câu hỏi - Trạng từ chỉ tần suất - Trạng từ so sánh - Giới từ chỉ vị trí, thời gian - Danh từ đếm được/ không đếm được - Đại từ sở hữu - Mạo từ: <i>a/ an, the, zero article</i> ...

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
		<p>- Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các chỉ dẫn, thông báo, biển báo... ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.</p> <p>- Đọc hiểu và đoán được nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh.</p> <p>VIẾT</p> <p>- Viết (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.</p> <p>- Viết các hướng dẫn, chỉ dẫn, thông báo, ... ngắn, đơn giản khoảng 80 - 100 từ liên quan đến các chủ đề quen thuộc.</p>	

1.2. Yêu cầu cần đạt

- Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp trung học cơ sở, học sinh có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 2 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là: “Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm,...). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu”.
- Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ tích cực đối với môn học và việc học Tiếng Anh; đồng thời có hiểu biết và tự hào về những giá trị của nền văn hoá dân tộc mình; phát triển các phẩm chất như nhân ái, yêu thương gia đình, tự hào về quê hương, bảo vệ môi trường, có ý thức tự rèn luyện học tập, có trách nhiệm với bản thân và gia đình.
- Với Chương trình tiếng Anh lớp 8, sau khi học xong lớp 8 học sinh sẽ đạt được bậc năng lực Bậc 2.3 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.

1.3. Thời lượng thực hiện

Thời lượng của Chương trình được thiết kế và phân bổ cho 105 tiết học trong 2 học kì của lớp 8.

1.4. Phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục chủ đạo trong Tiếng Anh 8 là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp thông qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

1.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục

- Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kì được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho lớp 8.
- Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

1.6. Các điều kiện tổ chức và thực hiện chương trình

Để việc thực hiện Chương trình Tiếng Anh lớp 8 đạt hiệu quả, cần bảo đảm các điều kiện cơ bản sau:

Giáo viên

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên để thực hiện đủ số tiết học theo kế hoạch dạy học ở trường phổ thông. Giáo viên phải đạt chuẩn năng lực tiếng Anh và năng lực sư phạm phù hợp với cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Giáo viên phải được tập huấn đầy đủ để triển khai Chương trình này. Giáo viên cần được tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong dạy học.
- Giáo viên cần được bồi dưỡng năng lực đánh giá sách giáo khoa, tài liệu dạy học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra quy định cho mỗi cấp học.
- Cần tạo điều kiện bồi dưỡng cho giáo viên về năng lực thiết kế các hoạt động đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì phù hợp, hỗ trợ học sinh phát triển năng lực giao tiếp theo các cấp độ của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.

Cơ sở vật chất

- Đảm bảo đầy đủ học liệu tối thiểu (sách học sinh, sách giáo viên, sách bài tập) cho giáo viên và học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Những trường có điều kiện cần nối mạng Internet, trang bị máy tính, màn hình và đầu chiếu, phần mềm dạy học tiếng Anh; khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ thông tin hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh.
- Số lượng học sinh cho một lớp học không vượt quá quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Môi trường học tập

Đảm bảo môi trường học tập đa dạng, phong phú để học sinh có thể tham gia vào các hoạt động giao tiếp tiếng Anh có ý nghĩa (tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh, giao lưu học sinh giỏi tiếng Anh, thi hát, thi hùng biện bằng tiếng Anh, ...).

2. Điểm khác biệt giữa Chương trình Tiếng Anh 2018 và Chương trình Tiếng Anh thí điểm

- Về cơ bản, Chương trình tiếng Anh 2018 không có nhiều điểm khác biệt so với Chương trình Tiếng Anh thí điểm. Các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng mỗi cấp lớp đều giống nhau vì cùng tham chiếu Khung năng lực ngoại ngữ chung châu Âu và Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Điểm khác biệt là việc kết hợp ba chương trình thí điểm tiếng Anh vào chung thành Chương trình Tiếng Anh 2018.
- Chương trình Tiếng Anh 2018 viết theo hướng mở: ở cuối các nội dung: theme, topics, kiến thức ngôn ngữ đều để ba chấm (...) để những người viết sách giáo khoa có thể cắt giảm hoặc bổ sung một số nội dung khác nếu thấy phù hợp.
- Có một vài điều chỉnh độ dài các bài đọc, nghe và viết trong mỗi lớp, mỗi cấp cho phù hợp.
Ví dụ: Quy định về độ dài lớp 8

Kĩ năng	Chương trình thí điểm	Chương trình 2018
Nghe	Khoảng 100 từ	140 - 160 từ
Đọc	Khoảng 120 từ	150 - 180 từ
Viết	Khoảng 80 từ	80 - 100 từ

- Chương trình 2018 có một vài điều chỉnh nội dung ngữ pháp trong mỗi lớp cho phù hợp. Ví dụ: Quy định về nội dung ngữ pháp lớp 8

Chương trình thí điểm	Chương trình 2018
Present simple, present simple with future meaning, present continuous, present perfect; future simple, future continuous; past simple, past continuous, past perfect.	Thì tương lai đơn (củng cố và mở rộng) Thì quá khứ tiếp diễn

Chương trình thí điểm	Chương trình 2018
<p>Gerund (some use)</p> <p>Modal verbs: can, could, must, may, might, should, would, ought to...</p> <p>Verbs + to-infinitive</p> <p>Wh- questions: what, which, where, when, who, whom, why, how, ...</p> <p>Yes/No questions</p> <p>Questions words before to-infinitive</p> <p>Be about to</p> <p>Would you mind ...?</p> <p>Types sentences: Simple/ Compound / Complex sentences</p> <p>Conditional sentences: Types I, Type II</p> <p>The passive (present, past and future)</p> <p>Reported speech: commands, requests and advice</p> <p>Indirect questions with "if" or "whether"</p> <p>Comparatives and superlatives of adjectives (review)</p> <p>Adverbs of frequency, comparatives of adverbs</p> <p>Prepositions of position/ time (in, at, on, after, before, ...)</p> <p>Nouns: countable and uncountable</p> <p>Possessive pronouns: mine, yours, his, hers, its, ours, theirs</p> <p>Indefinite quantifiers: some, any, a few, a little, lots of, a lot of, ...</p> <p>Adverbial phrases: by bike, by car, ...</p> <p>Article: a, an, the</p>	<p>Thì hiện tại đơn với nghĩa tương lai</p> <p>Động từ (chỉ sự thích) + danh</p> <p>động từ (V-ing)</p> <p>Động từ (chỉ sự thích) + động từ nguyên thể có to</p> <p>Câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi nghi vấn (Yes/No question)</p> <p>Các loại câu: câu đơn/câu nối/câu phức</p> <p>Câu điều kiện loại 1 (củng cố và mở rộng)</p> <p>Câu tường thuật: câu kể, câu hỏi Trạng từ chỉ tần suất</p> <p>Trạng từ so sánh</p> <p>Giới từ chỉ vị trí, thời gian</p> <p>Danh từ đếm được/không đếm</p> <p>được</p> <p>Đại từ sở hữu</p> <p>Mạo từ: <i>a/an, the, zero article</i></p> <p>...</p>

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SGK TIẾNG ANH 8

1. Quan điểm tiếp cận / biên soạn

- Chương trình Tiếng Anh lớp 8 tuân thủ các quy định được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các định hướng chung về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả học tập và điều kiện thực hiện chương trình.

- Chương trình Tiếng Anh lớp 8 được xây dựng theo quan điểm lấy năng lực giao tiếp là mục tiêu của quá trình dạy học; kiến thức ngôn ngữ là phương tiện để hình thành và phát triển các kĩ năng giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết.
- Chương trình Tiếng Anh lớp 8 được thiết kế trên cơ sở hệ thống chủ điểm, chủ đề có liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa và phù hợp với môi trường học tập, sinh hoạt của học sinh, phù hợp với việc phát triển năng lực giao tiếp theo yêu cầu cần đạt quy định cho lớp 8. Thông qua việc triển khai hệ thống chủ điểm và chủ đề trong *Chương trình*, học sinh có thể được trang bị thêm nội dung của các môn học khác ở mức độ phù hợp và khả thi.
- Chương trình Tiếng Anh lớp 8 đảm bảo lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học, khuyến khích học sinh tham gia hoạt động luyện tập ngôn ngữ ở mức tối đa và từng bước nâng cao khả năng tự học.
- Chương trình Tiếng Anh lớp 8 đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học Tiếng Anh cấp tiểu học, và trong hệ thống dạy tiếng Anh bắt buộc hệ 10 năm (từ lớp 3 đến lớp 12).
- Chương trình Tiếng Anh lớp 8 đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo và tính mở nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện dạy học Tiếng Anh đa dạng ở các địa phương.

2. Nội dung Sách học sinh

2.1. Nội dung ngôn ngữ

Kiến thức	Yêu cầu cụ thể
Ngữ âm	<p><i>Tiếng Anh 8 - Global Success</i> tập trung dạy cho học sinh một số nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu. Cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên âm: /ʊ/, /u:/, /ə/, /ɪ/ - Nguyên âm đôi: /ʊə/, /ɔɪ/, /ɪə/, /eə/ - Phụ âm: /k/, /g/, /n/, /ŋ/ - Tổ hợp phụ âm: /br/, /pr/, /bl/, /kl/, /sp/, /st/ - Trọng âm các từ kết thúc bằng <i>-al</i>, <i>-ous</i>, <i>-ese</i>, <i>-ee</i> - Trọng âm câu - Ngữ điệu trong các câu liệt kê
Từ vựng	<p>Nội dung dạy học từ vựng ở <i>Tiếng Anh 8 - Global Success</i> bao gồm những từ thông dụng được thể hiện trong hai lĩnh vực ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết liên quan đến các chủ điểm và chủ đề trong Chương trình lớp 8. Số lượng từ vựng được dạy trong sách lớp 8 là khoảng 200 - 250 từ (số từ quy định cho 4 năm học cấp trung học cơ sở là khoảng 800 - 1000) tập trung vào các từ và cụm từ liên quan tới các chủ đề trong Chương trình.</p>

Kiến thức	Yêu cầu cụ thể
Ngữ pháp	<i>Tiếng Anh 8 - Global Success</i> tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung về ngữ pháp đã học ở cấp tiểu học và ở lớp 6 - 7: bao gồm các cấu trúc phức vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 2.3 như Thì tương lai đơn (củng cố và mở rộng), Thì quá khứ tiếp diễn, Thì hiện tại đơn với nghĩa tương lai, Động từ (chỉ sự thích) + danh động từ (<i>V-ing</i>), Động từ (chỉ sự thích) + động từ nguyên thể có to, Câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No question</i>), Các loại câu: câu đơn/ câu nối/ câu phức, Câu điều kiện loại 1 (củng cố và mở rộng), Câu tường thuật: câu kể và câu hỏi, Trạng từ chỉ tần suất, Trạng từ so sánh, Giới từ chỉ vị trí, thời gian, Danh từ đếm được/ không đếm được, Đại từ sở hữu, Mạo từ: <i>a/an, the, zero article ...</i>

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Tiếng Anh 8 - Global Success phát triển 4 kỹ năng nghe nói đọc viết theo quy định trong chương trình. Cụ thể là:

Nghe

- Nghe và nhận biết âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu.
- Nghe hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 140 - 160 từ về các chủ đề trong Chương trình.
- Nghe hiểu nội dung chính các thông báo đơn giản, được nói rõ ràng liên quan đến các chủ đề trong Chương trình.

Nói

- Phát âm các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu.
- Nói các chỉ dẫn đơn giản sử dụng trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến các chủ điểm đã học.
- Tham gia các hội thoại ngắn, đơn giản về các chủ điểm quen thuộc.
- Trình bày ngắn gọn, có chuẩn bị trước các dự án về các chủ điểm quen thuộc trong Chương trình.

Đọc

- Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 150 - 180 từ về các chủ đề quen thuộc.
- Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các chỉ dẫn, thông báo, biển báo... ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.
- Đọc hiểu và đoán được nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh.

Viết

- Viết (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 80-100 từ về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.
- Viết các hướng dẫn, chỉ dẫn, thông báo, ... ngắn, đơn giản khoảng 80 - 100 từ liên quan đến các chủ đề quen thuộc.

3. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách Tiếng Anh 8, Sách học sinh và cấu trúc bài học

3.1. Phân tích Scope and sequence

BOOK MAP					
	Reading	Speaking	Listening	Writing	Language Focus
Unit 1 LEISURE TIME	Reading for general and specific information about leisure activities with family	Talking about leisure activities with family	Listening for general and specific information about leisure activities with friends	Writing an email about leisure activities with friends	Vocabulary: Leisure activities Expressions: about likes and dislikes Pronunciation: Sounds /ə/ and /r/ Grammar: Verbs of liking / disliking + gerunds - Verbs of liking / disliking + to + infinitives - Verbs of
Unit 2 LIFE IN THE COUNTRYSIDE	Reading for specific information about different aspects of a Vietnamese village	Talking about the village or town where someone lives	Listening for specific information about someone's opinion about life in the countryside	Writing a paragraph about what someone likes or dislikes about life in the countryside	Vocabulary: Life in the countryside Pronunciation: Sounds /ə/ and /r/ Grammar: Comparative forms of adverbs
Unit 3 TEENAGERS	Reading for general and specific information about school club activities	Asking and answering questions about school clubs	Listening for general and specific information about teen stress	Writing a paragraph about the causes of one's stress and solutions to deal with it	Vocabulary: Teen school clubs, teens' use of social media, and teen stress Pronunciation: Sounds /əb/ and /z/ Grammar: Simple sentences and compound sentences
REVIEW 1					
Unit 4 ETHNIC GROUPS OF VIET NAM	Reading for specific information about stilt houses	Talking about the type of home you live in	Listening for specific information about the life of minority children	Writing a paragraph about the things you do to help your family	Vocabulary: The history of ethnic groups Pronunciation: Sounds /ə/ and /r/ Grammar: 'to + V' and Wh-questions - Countable and uncountable nouns
Unit 5 OUR CUSTOMS AND TRADITIONS	Reading for general and specific information about a local festival	Talking about a normal family event	Listening for specific information about a festival	Writing an email to give advice on taking part in a traditional festival	Vocabulary: Customs and traditions Pronunciation: Sounds /v/ and /r/ Grammar: Articles (a / an, the and zero article)
Unit 6 LIFESTYLES	Reading for specific information about an interesting lifestyle and ways to maintain its traditional lifestyle	Talking about maintaining traditional lifestyles	Listening for general and specific information about the advantages or disadvantages of modern technology on lifestyles	Writing a paragraph about the advantages or disadvantages of online learning	Vocabulary: Interesting lifestyles Pronunciation: Sounds /ə/ and /r/ Grammar: Future simple - First conditional
REVIEW 2					
4 Tiếng Anh 8			Book Map 3		
Unit 7 ENVIRONMENTAL PROTECTION					
Unit 7 ENVIRONMENTAL PROTECTION	Reading for general and specific information about Con Dao National Park	Talking about Vu Quang National Park	Listening for general and specific information about water pollution	Writing a notice	Vocabulary: Environmental protection Pronunciation: Sounds /r/ and /s/ Grammar: Imperative sentences with adverb clauses or time
Unit 8 SHOPPING	Reading for specific information about the reasons people go to shopping centres	Talking about a shopping place	Listening for general and specific information about online shopping	Writing a paragraph about the advantages and disadvantages of a shopping place	Vocabulary: Shopping Pronunciation: Sounds /r/ and /s/ Grammar: - Adverbs of frequency - Present simple for future events
Unit 9 NATURAL DISASTERS	Reading for specific information about natural disasters	Talking about a natural disaster	Listening for specific information about things to do before, during, and after a natural disaster	Writing instructions about things to do before, during, and after a natural disaster	Vocabulary: Types of natural disasters Pronunciation: Words describing natural disasters Grammar: - Imperatives ending in -ol and -ous - Past continuous
REVIEW 3					
Unit 10 COMMUNICATION IN THE FUTURE	Reading for general and specific information about a way of communicating in the future	Talking about the advantages and disadvantages of a way of communicating	Listening for general and specific information about a communication exhibition	Writing a paragraph to describe a way of modern communication	Vocabulary: Communication technology Pronunciation: Stress in words ending in -ise and -ize Grammar: - Prepositions of place and time - Possessive pronouns
Unit 11 SCIENCE AND TECHNOLOGY	Reading advertisements for specific information about new technologies	Talking about a technology or an invention	Listening for specific information about a robot teacher	Writing an opinion paragraph about whether robots will replace teachers at school	Vocabulary: Science and technology in the future Pronunciation: Sentence stress Grammar: Reported speech (statements)
Unit 12 LIFE ON OTHER PLANETS	Reading about the possibility of life on other planets	Talking about the conditions needed for planets to support human life	Listening about an imaginary planet and its creatures	Writing a paragraph to describe imaginary creatures living on another planet	Vocabulary: Outer space Pronunciation: Intonation for making lists Grammar: Reported speech (questions)
REVIEW 4					
8 Tiếng Anh 8			Book Map 7		

- Tiếng Anh 8 - Global Success được thiết kế với 4 chủ điểm (Theme) với 12 chủ đề (Topic) tương đương với 12 đơn vị bài học (Unit). Cụ thể là:

Chủ điểm	Chủ đề
Our community Cộng đồng của chúng ta	Unit 1: Leisure time (Thời gian rảnh rỗi) Unit 2: Life in the countryside (Cuộc sống ở nông thôn) Unit 3: Teenagers (Thanh thiếu niên)
Our heritage Di sản của chúng ta	Unit 4: Ethnic groups of Viet Nam (Các dân tộc ở Việt Nam) Unit 5: Our customs and traditions (Phong tục và tập quán) Unit 6: Lifestyles (Lối sống)

Chủ điểm	Chủ đề
Our world Thế giới của chúng ta	Unit 7: Environmental protection (Bảo vệ môi trường) Unit 8: Shopping (Mua sắm) Unit 9: Natural disasters (Thảm họa thiên nhiên)
Vision of the future Tầm nhìn tương lai	Unit 10: Communication in the future (Giao tiếp trong tương lai) Unit 11: Science and technology (Khoa học và công nghệ) Unit 12: Life on other planets (Cuộc sống trên các hành tinh khác)

- Đan xen với 12 đơn vị bài học là 4 bài ôn tập (Review).

3.2. Phân tích kết cấu của chủ đề / bài học (*Unit, Review*)

- Mỗi đơn vị bài học (Unit) được thiết kế thành 7 bài học (Lesson) như sau:

1	Getting started	Dạy trong 1 tiết, giới thiệu chủ đề, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp của cả bài.
2	A closer look 1	Dạy trong 1 tiết, tập trung vào từ vựng và ngữ âm.
3	A closer look 2	Dạy trong 1 tiết, tập trung vào ngữ pháp.
4	Communication	Dạy trong 1 tiết, giới thiệu và luyện tập các chức năng ngôn ngữ cũng như phát triển các kĩ năng ngôn ngữ thông qua giới thiệu văn hóa, truyền thống... của Việt Nam và các nước trên thế giới, tích hợp kiến thức một số môn học khác.
5	Skills 1	Dạy trong 1 tiết, tập trung vào kĩ năng đọc và nói.
6	Skills 2	Dạy trong 1 tiết, tập trung vào kĩ năng nghe và viết.
	Looking back	Dạy trong 1 tiết, ôn tập toàn bài.
7	Project	Tập cho học sinh làm việc đôi hoặc theo nhóm để thực hiện một nhiệm vụ hoặc dự án liên quan đến chủ đề của bài (GV hướng dẫn cùng với tiết Looking back).

Unit 9 NATURAL DISASTERS

THIS UNIT INCLUDES:

Vocabulary

- Types of natural disasters
- Words describing natural disasters

Pronunciation

- Stress in words ending in -land / -ous

Grammar

- Past continuous

Skills

- Reading about natural disasters
- Talking about a natural disaster
- Listening about things to do before, during, and after a natural disaster
- Writing instructions about things to do before, during, and after a natural disaster

Everyday English

- Giving and responding to bad news

GETTING STARTED

We are all safe!

1 Listen and read. (6:34)

Tom: You look pretty sad, Mi. What's the matter?

Mi: My uncle called us this morning. Our home town has been affected by a flood. It's the second time this year.

Tom: I'm sorry to hear that. How are things there now?

Mi: My uncle, his wife, and his children are all safe. They moved everything to the second floor of their house last night. Are there natural disasters in your home town in the US?

Tom: Yes, we sometimes have tornadoes.

Mi: Tornadoes? Sounds strange. What's a tornado?

Tom: It's a violent storm that moves in a circle with very strong winds. I still remember the tornado we had last year.

Mi: What happened?

Tom: One evening my parents and I were having dinner. Suddenly we heard a very loud noise. When we looked out of the window, we saw a big funnel of wind moving towards us.

Mi: Did it cause any damage?

Tom: Yes, a lot. It damaged the roof of our house and pulled up some trees in our yard. Fortunately, no one was hurt.

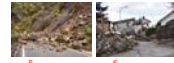


2 Read the conversation again. Complete each sentence with no more than TWO words from it.

- There is a _____ in Mi's home town.
- Her uncle's family had to move everything to the _____ last night.
- A tornado is an example of a _____.
- Tom's family _____ dinner when the tornado came.
- The tornado damaged their roof and _____ up some trees in their yard.

3 Write the natural disasters from the box under the pictures. Then listen, check, and repeat. (6:53)

- volcanic eruption
- storm
- earthquake
- tornado
- landslide
- flood

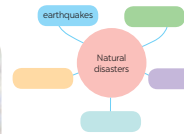


4 Choose the correct answer to complete each sentence.

- When there is a(n) **earthquake / volcanic eruption**, hot gases and liquid rock pour out from a mountain.
- Oh, the **earthquake / flood**! I think we're having a(n) **earthquake / flood**.
- We wanted to travel to Ha Giang, but there was a **tornado / landslide**. Some big rocks and mud came down the mountains.
- Every year more than ten **floods / storms** with strong winds and rain cause damage in our country.
- A **tornado / storm** looks like a huge funnel and causes a lot of damage. Its strong winds can reach 480 km per hour.

5 Word web

Work in groups. Complete the web with all of the words and phrases related to natural disasters you know.



- Ngoài các đơn vị bài học chính, các bài ôn tập được thiết kế sau 3 đơn vị bài học, giúp học sinh ôn tập lại ngữ âm, từ vựng, cấu trúc đã học trong 3 đơn vị bài học trước đó đồng thời luyện tập thêm các kỹ năng ngôn ngữ. Một bài ôn tập bao gồm hai phần chính được thiết kế để dạy trong 2 tiết học, cụ thể như sau:

1. **Language:** được dạy trong 1 tiết học, gồm các hoạt động để ôn luyện từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp của 3 đơn vị bài đã học trước đó.

2. **Skills:** được dạy trong 1 tiết học, gồm các hoạt động để thực hành thêm về 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ đề của 3 đơn vị bài học đã học trước đó.

REVIEW 1 (UNITS 1 - 2 - 3)

LANGUAGE

Pronunciation

1 Circle the word whose underlined part is pronounced differently from the others.

- A. goat B. oggil C. oggil D. oggil
- A. lime B. lime C. lime D. lime
- A. village B. buffalo C. cottage D. shortage
- A. urgent B. urgent C. picture D. surely
- A. urgent B. urgent C. hange D. hange

Vocabulary

2 Circle the correct answer A, B, or C to complete each sentence.

- Mi is _____ gathering in her free time.
A. in B. into C. to
- Mai is interested _____ building websites for her friends.
A. of B. with C. in
- Minh is not fond of _____ puzzles because he thinks it takes a lot of time.
A. making B. doing C. building
- I'm not keen on _____ our class photos to the forum.
A. uploading B. surfing C. messaging
- While I was _____ some websites, I saw an advertisement about a resort.
A. creating B. browsing C. uploading

3 Complete the sentences with the words from the box.

- bully trained
pressure focus hospitable

- People in my village are very _____ to all visitors.
- Parents in our village don't but much _____ on their children to do well at school.
- In my school, we can _____ on study and play, and do not have to worry about bullies.
- The best _____ player in our chess club will not be able to join the competition.
- If a boy uses his strength to frighten weaker peers, he is a _____.

Grammar

4 Choose the correct answer A, B, or C.

- Mai dislikes _____ her pictures to Facebook. She prefers not to show them to others.
A. to upload B. uploading
C. upload
- We enjoy _____ photos of different types of scenery, so we took a camera with us.
A. taking B. to take
C. take
- She did the puzzles _____ than I did, so I won the competition.
A. slowly B. slower
C. more slowly
- Tom worked _____ than Mi; therefore, he got better results in the exams.
A. hardly B. harder
C. more hard
- Now they all chat with each other _____ than before because they have smartphones.
A. more frequently B. frequent
C. frequently

5 Underline the correct bold word in each sentence.

- Minh is interested in painting, so / **but** yesterday he decided to join the arts and crafts club.
- Life in the city seems to be more comfortable, **otherwise** / **but** I prefer life in the countryside.
- She tries to focus more on her studies; **therefore** / **otherwise**, she won't pass her exams.
- During harvest time, farmers have to get up earlier, **and** / **so** they have to work harder.
- Parents now have higher expectations of their children; **therefore** / **so**, children are under more pressure than before.

SKILLS

Reading

1 Read the passage and choose the correct answer A, B, or C.

Stress is a normal part of teens' life; however, too much stress can be dangerous. When you face stress, use some of these strategies to manage it.

Getting a good night's sleep: Teens need eight to ten hours of sleep a day, so get enough sleep. To make it easier, keep your smartphone away from your bed.

Doing exercise: Doing enough physical exercise is important for teens. You should exercise for at least 60 minutes a day.

Talking it out: Talk about your stress to an adult. This person can be your teacher, parent, or someone you trust.

Writing about it: You can reduce your stress by writing down your problems. You can also write about times you felt good and soon you will start to feel better.

Going outside: You will feel more relaxed if you spend some time in nature. Place with green trees and fresh air will make you feel better.

- The passage is about _____.
A. the causes of stress
B. strategies to deal with stress
C. the dangers of stress
- How many hours of sleep a day do teens need?
A. 6 to 8 B. 7 to 9 C. 8 to 10
- How much time should teens spend on daily exercise?
A. At least an hour.
B. Exactly 60 minutes.
C. No more than 60 minutes.
- Teens may talk about their problems to _____.
A. a friend in their class
B. a young person they like
C. someone they trust
- Teens can feel better when they _____.
A. are at home with their parents
B. get closer to nature
C. write to a friend

Speaking

2 Work in pairs. Interview each other, using the questions below. Take notes of the answers and then report the results to the class.

Questions	Answers
1. What pressure do you have?	
2. What happens to you when you feel stressed?	
3. How do you deal with your stress?	

Listening

3 Listen to Tom and Mai talking about their lives in the city and the countryside. Fill in each blank with ONE word.

In the city	In the countryside
- There are many (1) _____ for entertainment.	- It is peaceful and (4) _____.
- It is more (2) _____ and lively to get around.	- Things are simple and (5) _____.
- There are many means of (3) _____ transport.	- People are kind and (5) _____.

Writing

4 Write a paragraph (80 - 100 words) about the leisure activities one of your family members does. You may use the following questions as cues.

- What does he / she like doing in his / her free time?
- Who does he / she like doing these with?
- Why does he / she like doing these?

In his / her free time, my _____ likes _____.

3.3. Cấu trúc mỗi chủ đề bài học theo mạch kiến thức

LESSON 1 (TIẾT 1): GETTING STARTED

- Mục đích của phần này là giúp học sinh làm quen với chủ đề của toàn bộ đơn vị bài học, cung cấp và giới thiệu một bối cảnh (context) trong đó các hiện tượng ngữ âm, từ vựng và hiện tượng ngữ pháp được giảng dạy trong toàn bộ đơn vị bài xuất hiện

- *Getting Started* bao gồm hai mục: một đoạn hội thoại cho học sinh nghe và

đọc theo (Listen and read), và 4 hoặc 5 hoạt động kèm theo để giúp học sinh hiểu đoạn hội thoại đó, làm các bài tập để bước đầu hiểu và sử dụng các từ, hiện tượng ngữ pháp sẽ được giải quyết trong các phần tiếp theo.

Unit 9

NATURAL DISASTERS

THIS UNIT INCLUDES:

Vocabulary

- Types of natural disasters
- Wants describing natural disasters

Pronunciation

Stress in words ending in -al and -ous

Grammar

Real continuous

Skills

- Talking about natural disasters
- Listening about a natural disaster
- Listening about things to do before, during, and after a natural disaster
- Writing production about things to do before, during, and after a natural disaster

Everyday English

Giving and responding to bad news

GETTING STARTED

We are all safe!

1 Listen and read. (45s)

1 Tom: You look pretty sad, Mi. What's the matter?
Mi: My uncle called us this morning. Our home town has been affected by a flood. It's the worst time this year.
Tom: I'm sorry to hear that. How are things there now?
Mi: My uncle, his wife, and his children are all safe. They moved everything to the second floor of their house last night. Are there natural disasters in your home town in the US?
Tom: Yes, we sometimes have tornadoes.
Mi: Tornadoes? Sounds strange. What's a tornado?
Tom: It's a violent storm that moves in a circle with very strong winds. I still remember the tornado we had last year.

Mi: What happened?
Tom: One evening my parents and I were having dinner. Suddenly we heard a very loud noise. When we looked out of the window, we saw a big funnel of wind moving towards us.
Mi: Did it cause any damage?
Tom: Yes, a lot. It damaged the roof of our house and pulled up some trees in our yard. Fortunately, no one was hurt.

2 Read the conversation again. Complete each sentence with no more than TWO words from it.

- There is a _____ in Mi's home town.
- Her uncle's family had to move everything to the _____ last night.
- A tornado is an example of a _____.
- Tom's family _____ dinner when the tornado came.
- The tornado damaged their roof and _____ up some trees in their yard.

3 Write the natural disasters from the box under the pictures. Then listen, check, and repeat. (45s)

volcanic eruption

storm

earthquake

tornado

landslide

flood

4 Choose the correct answer to complete each sentence.

- When there is an **earthquake** / **volcanic eruption**, hot gases and liquid rock pour out from a mountain.
- On the house is shaking. I think we're having an **earthquake** / **flood**.
- We wanted to travel to Ha Giang, but there was a **tornado** / **landslide**. Some big rocks and mud came down the mountains.
- Every year more than ten **floods** / **storms** with strong winds and rain cause damage in our country.
- A **tornado** / **storm** looks like a huge funnel and causes a lot of damage. Its strong winds can reach 480 km per hour.

5 Word web

Work in groups. Complete the web with all of the words and phrases related to natural disasters you know.

LESSON 2 (TIẾT 2): A CLOSER LOOK 1

A CLOSER LOOK 1

- 1 In column B, write the noun forms of the verbs in column A.**

A	B
1. destroy	
2. erupt	
3. warn	
4. predict	
5. damage	

- 2 Write a word or phrase from the box under the correct picture.**

emergency kit victim property
rescue worker whistle



94 Tiếng Anh 8

- 3 Fill in each blank with a word or phrase from the box.**

warning predict property
damage emergency kit

- Natural disasters can cause serious _____ to human life.
- Local authorities gave a flood _____ yesterday, so today people are moving to safer places.
- To prepare for a natural disaster, we should make a(n) _____.
- It's hard to believe that we cannot _____ when earthquakes will happen.
- They lost all of their _____ because of the volcanic eruption.

Pronunciation

Stress in words ending in -al and -ous

4 Listen and repeat the words. Pay attention to the word stress. (45s)

musical dangerous humorous
national practical poisonous
personal marvellous

- 5 Listen and repeat the sentences. Mark the stress in the underlined words. (45s)**

- The flood victims are collecting their personal property.
- Avoid dangerous places, such as windows or bookcases, during an earthquake.
- There are numerous typical storms in this area every year.
- Some practical disasters, such as landslides, usually happen in mountainous areas.
- She gave us practical tips about treating poisonous wastes.

- Gồm 5 hoạt động.

- Phần này được thiết kế để dạy từ vựng và ngữ âm gắn với mỗi đơn vị bài học. Các từ vựng chủ động của bài được giới thiệu và luyện tập thông qua các hoạt động gây hứng thú cho học sinh và dễ học, dễ nhớ.

- Trong phần ngữ âm sẽ có một cặp âm hoặc một kiến thức ngữ âm được giới thiệu và luyện tập riêng lẻ, sau đó là luyện tập trong câu (trong tình huống). Ở những bài cuối trong chương trình sẽ giới thiệu trọng âm các từ kết thúc bằng -al, -ous, -ese, -ee, trọng âm câu và ngữ điệu trong các câu liệt kê.

LESSON 3 (TIẾT 3): A CLOSER LOOK 2

- Gồm 5 hoạt động
- Phần này giải quyết các điểm ngữ pháp (grammar point) của đơn vị bài (có thể một hoặc hai điểm ngữ pháp sẽ được dạy ở mỗi đơn vị bài học). Các điểm ngữ pháp này đã được giới thiệu trong phần *Getting Started* nên học sinh đã được làm quen.

- Thường bài học này sẽ có các bảng để nêu quy tắc hoặc nhấn mạnh những nội dung học sinh cần ghi nhớ. Học sinh sẽ được luyện tập qua các hoạt động từ dễ đến khó và cuối cùng thường là một bài tập cho học sinh sử dụng hiện tượng ngữ pháp đã học (production).

A CLOSER LOOK 2

Grammar

The past continuous

Remember!

We use the past continuous to describe an action that was happening at a particular time in the past.
 Example: I **was having** dinner at 6 p.m. yesterday.
 Were you **having** dinner at 5 p.m. yesterday? - Yes, I **was**.
 - a past action that was happening when another action interrupted it.
 We use the past simple for the action that interrupted it.
 Example: When / While we **were watching** TV, we **felt** the earthquake.
 What **were** they **doing** when they **felt** the earthquake? - They **were watching** TV.
Notes:
 - We can use when or while before the past continuous.
 - We can only use when before the past simple.

1. Complete the sentences by putting the verbs in brackets into the past continuous.

- They (be) _____ the flood victims at 10 o'clock last night.
- It (not snow) _____ when I left home this afternoon.
- While she (work) _____ in the field, the tornado came.
- How _____ you (be) _____ at 9 o'clock yesterday morning?
- I (watch) _____ the news about a volcanic eruption.
- _____ you (be) _____ when I saw you last days ago?
- No, I wasn't.

2. Circle the correct answer to complete each sentence.

- We **donated** / **were donating** money to help the earthquake victims last month.
- What **did** you **do** / **were** you **doing** when the volcano erupted?
- I **slept** / **was sleeping** in my bed.
- While they **camped** / **were camping** near the river, the flood **was coming** / **came** suddenly.
- After Tom **ran** / **was running** out of his house, he **moved** / **was moving** quickly to a safer place.
- I **didn't read** / **wasn't reading** a newspaper **at** / **in** yesterday but I **watched** / **was watching** the news about the tornado.

3. Look at the picture and write what each person in Lan's family was doing when the earthquake happened. Use the given word and phrases from the box.

watch TV draw
read a book drink tea
talk on the phone



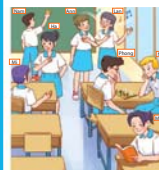
Unit 9 - Natural Disasters 95

4. Form questions using the past continuous. Then in pairs, ask and answer the questions.

- Example:
 you / play / football / 5 o'clock yesterday afternoon?
 - Were you playing football at 5 o'clock yesterday afternoon?
 - Yes, I was. / No, I wasn't. I was doing my homework.
- you / have dinner / 7 o'clock yesterday evening?
 - you / do / homework / 8 o'clock yesterday evening?
 - you / watch / film / 9 o'clock yesterday evening?

5. G.A.M.E. Memory challenge

Work in groups. Take turns to say a sentence that describes what each person in the picture was doing.



96 Tiếng Anh 8

COMMUNICATION

Everyday English

Giving and responding to bad news

- Listen and read the dialogue below. Pay attention to the highlighted sentences. (4B)
 Phong: My grandparents called this morning. **A flood destroyed their house.**
 Mark: **It's sorry to hear that.**
 Phong: **I also damaged all of their things.**
 Mark: **That's awful!** I hope your grandparents are safe.

2. Work in pairs. Practise giving and responding to bad news in the following situations.

- You have a friend in a mountainous area. A landslide destroyed his family's garden yesterday. You share this news with your classmate.
- You hear that a big earthquake hit a city. You share this news with your classmate.

Knowledge of natural disasters

3. Read the short passages below. Decide which natural disaster each person below is talking about.

- Nam:** We were travelling on the road near a mountain. Suddenly a lot of rocks and mud came down the mountain.
- Ann:** While I was working in the garden, I saw a big funnel of wind moving towards us very quickly.
- Tom:** Suddenly everything in our living room began to shake. My sister and I quickly hid under the table.

LESSON 4 (TIẾT 4): COMMUNICATION

- Gồm 4 - 5 hoạt động
- Phần này được thiết kế nhằm mục đích giúp học sinh sử dụng ngôn ngữ đã học để giao tiếp trong cuộc sống thực, đồng thời cũng cung cấp thêm thông tin và kiến thức về văn hóa của Việt Nam cũng như của các nước khác trên thế giới và tích hợp kiến thức một số môn học khác.

- *Communication* gồm 2 phần:
- + *Everyday English*: giúp học sinh sử dụng những cấu trúc

giao tiếp hàng ngày, phát triển kỹ năng nói tiếng Anh trong các tình huống thực. Mục này sẽ giới thiệu cách hỏi - đáp trong các chức năng ngôn ngữ như: hỏi đáp về sở thích, đưa ra lời khuyên về các vấn đề sức khỏe, khen ngợi...

4. Form questions using the past continuous. Then in pairs, ask and answer the questions.

- Example:
 you / play / football / 5 o'clock yesterday afternoon?
 - Were you playing football at 5 o'clock yesterday afternoon?
 - Yes, I was. / No, I wasn't. I was doing my homework.
- you / have dinner / 7 o'clock yesterday evening?
 - you / do / homework / 8 o'clock yesterday evening?
 - you / watch / film / 9 o'clock yesterday evening?

5. G.A.M.E. Memory challenge

Work in groups. Take turns to say a sentence that describes what each person in the picture was doing.



96 Tiếng Anh 8

COMMUNICATION

Everyday English

Giving and responding to bad news

- Listen and read the dialogue below. Pay attention to the highlighted sentences. (4B)
 Mark: Phong, why are you so sad?
 Phong: My grandparents called this morning. **A flood destroyed their house.**
 Mark: **It's sorry to hear that.**
 Phong: **I also damaged all of their things.**
 Mark: **That's awful!** I hope your grandparents are safe.

2. Work in pairs. Practise giving and responding to bad news in the following situations.

- You have a friend in a mountainous area. A landslide destroyed his family's garden yesterday. You share this news with your classmate.
- You hear that a big earthquake hit a city. You share this news with your classmate.

Knowledge of natural disasters

3. Read the short passages below. Decide which natural disaster each person below is talking about.

- Nam:** We were travelling on the road near a mountain. Suddenly a lot of rocks and mud came down the mountain.
- Ann:** While I was working in the garden, I saw a big funnel of wind moving towards us very quickly.
- Tom:** Suddenly everything in our living room began to shake. My sister and I quickly hid under the table.

4. Choose the correct answer to each question to see how much you know about natural disasters.

QUESTIONNAIRE

- Question 1: Which of these may cause landslides?
 A. Heavy rain.
 B. Wind.
 C. Lightning.
- Question 2: Which of these activities may cause landslides?
 A. Listening.
 B. Cutting down trees.
 C. Polluting the air.
- Question 3: What scale is used for measuring earthquakes?
 A. Fahrenheit scale.
 B. Celsius scale.
 C. Richter scale.
- Question 4: What natural disaster can an earthquake cause?
 A. A flood.
 B. A landslide.
 C. A tsunami.
- Question 5: What do tornadoes form from?
 A. An earthquake.
 B. A flood.
 C. A thunderstorm.
- Question 6: Where do tornadoes mostly happen?
 A. In the USA.
 B. In the UK.
 C. In Viet Nam.
5. Work in pairs. Compare your answers. Then check your answers with the key on page 100. How many points did each of you get?

SKILLS 1

Reading

1. Match the headlines (1 - 2) with the natural disasters (A - B).

- 30 seconds of a slight shaking in Ha Noi.
- A thick layer of ash covers Tonga.

- volcanic eruption
- earthquake

2. Read the two news articles. Match the highlighted words with their meanings.



A volcano in the South Pacific erupted **violently** last Saturday. It hit Tonga, an island country in the area. The eruption sent a cloud of ash and gas into the air. People could see this cloud from 20 kilometres away. The eruption also caused a **tsunami** which flooded properties in Tonga's capital. Besides, it destroyed hundreds of homes on some small islands. More than twenty people on these islands are still **missing**. New Zealand sent two big ships to Tonga to help the victims yesterday.

Unit 9 - Natural Disasters 97

+ Phát triển năng lực giao tiếp theo chủ đề: mỗi đơn vị bài học sẽ có một nội dung để luyện thêm kĩ năng theo chủ đề, ví dụ: hoạt động trong thời gian rảnh rỗi của thiếu niên trên thế giới, các phương tiện truyền thông mà thanh thiếu niên ưa thích, ...

LESSON 5 (TIẾT 5): SKILLS 1

- Gồm 4-5 hoạt động
- Phần này giải quyết 2 kĩ năng: Đọc (thụ ngôn – receptive) và Nói (sản ngôn – productive)

+ **Reading:** mục đích của phần này nhằm phát triển khả năng đọc của học sinh. Bài đọc (150 - 180 từ) có các từ vựng và hiện tượng ngữ pháp học sinh đã học trước đó, và theo chủ đề của đơn vị bài, nội dung gần gũi, gây hứng thú cho học sinh. Sau bài đọc có các hoạt động để học sinh ghi nhớ từ vựng và phát triển kĩ năng đọc hiểu của mình.

+ **Speaking:** Kĩ năng nói thường lấy thông tin đầu vào (input) từ kĩ năng đọc ở trên, gồm các hoạt động giúp học sinh luyện tập và phát triển khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ đã học trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Các hoạt động sử dụng nói cá nhân (individual work), nói theo cặp (pair work) và theo nhóm (group work).

4 Choose the correct answer to each question to see how much you know about natural disasters.

QUESTIONNAIRE

Question 1: Which of these may cause landslides?
A. Heavy rain.
B. Wind.
C. Lightning.

Question 2: Which of these activities may cause landslides?
A. Listening.
B. Cutting down trees.
C. Polluting the air.

Question 3: What scale is used for measuring earthquakes?
A. Fahrenheit scale.
B. Celsius scale.
C. Richter scale.

Question 4: What natural disaster can an earthquake cause?
A. A flood.
B. A landslide.
C. A tornado.

Question 5: What do tornadoes form from?
A. An earthquake.
B. A flood.
C. A thunderstorm.

Question 6: Where do tornadoes mostly happen?
A. In the USA.
B. In the UK.
C. In Viet Nam.

5 Work in pairs. Compare your answers. Then check your answers with the key on page 101. How many points did each of you get?

SKILLS 1

Reading

1 Match the headlines (1 – 2) with the natural disasters (A – B).

1. 30 seconds of a slight shaking in Ha Noi A. volcanic eruption
2. A thick layer of ash covers Tonga B. earthquake

2 Read the two news articles. Match the highlighted words with their meanings.



A volcano in the South Pacific erupted **violently** last Saturday. It hit Tonga, an island country in the area. The eruption sent a cloud of ash and gas into the air. People could see the cloud from 20 kilometres away. The eruption also caused a **tsunami** which flooded properties in Tonga's capital. Besides, it destroyed hundreds of homes on some small islands. More than twenty people on these islands are still **missing**. New Zealand sent two big ships to Tonga to help the victims yesterday.

Unit 9 - Natural Disasters 97



Speaking

4 Work in pairs. Match the questions with the answers.

1. What kind of natural disaster was it?
2. When and where did it happen?
3. What caused it?
4. What were its effects?
5. How did people help the victims?
- a. Five days of heavy rain caused it.
b. Many houses were flooded; two villagers died and five others were missing.
c. It was a serious flood.
d. Rescue workers looked for the missing people, and volunteers gave food and drinks to the victims.
e. It happened in a village in Thu Xien last week.

1. violently a. not yet found
2. tsunami b. slightly shaking
3. missing c. the bad feeling you have when you are frightened
4. trembling d. very strongly
5. fear e. very large waves in the sea

5 Read the articles again and answer the questions.

1. Where and when did the eruption happen?
2. What did the eruption cause?
3. What were the other effects of the eruption?
4. How long did the buildings shake?
5. What caused the shaking?

98 Tiếng Anh 8

LESSON 6 (TIẾT 6): SKILLS 2

- Gồm 4-5 hoạt động
- Phần này giải quyết 2 kĩ năng: Nghe (thụ ngôn – receptive) và Viết (sản ngôn – productive)
- **Listening:** gồm một bài nghe từ đĩa CD (một đoạn văn hoặc một hội thoại 140-160 từ theo nội dung chủ đề của đơn vị bài). Các hoạt động kèm theo giúp học sinh luyện kĩ năng nghe hiểu để tìm thông tin đại ý, hoặc thông tin cụ thể theo bài đã nghe.
- **Writing:** tập trung vào việc phát triển kĩ năng viết của học sinh. Có thể có một vài hoạt động chuẩn bị trước khi đến yêu cầu cuối cùng là học sinh viết được một thông báo, đoạn văn, ... khoảng 80 - 100 từ trong phạm vi các chủ đề đã học.

SKILLS 2

Listening

1 Work in pairs. Look at the picture and answer the questions.



1. What can you see in the picture?
2. When do we need these things?

2 Listen to a broadcast. Put the activities (1 – 6) in the correct column.

1. Listen to instructions from local authorities.
2. Prepare an emergency kit.
3. Stay inside the house.
4. Keep away from dangerous areas.
5. Avoid windows and glass doors.
6. Strengthen houses.

Before a storm	During a storm	After a storm

3 Listen again and tick (✓) T (True) or F (False) for each sentence.

	T	F
1. The broadcast is on TV.		
2. You should bring flowerpots and rubbish bins into the house.		
3. Right after the storm, you can leave your home.		
4. The local authority may warn you about dangerous places.		

Writing

4 Work in pairs. Discuss what you should do before, during, and after a flood. Write your ideas in the columns.

Before a flood	During a flood	After a flood
- Prepare an emergency kit.	- Stay inside a safe and high place.	- Avoid moving water.
-	-	-

5 Write instructions (80 – 100 words) about things to do before, during, and after a flood.

Start as follows:

Here are the things you should do before, during, and after a flood.
Before:
-
-
During:
-
-
After:
-
-

Unit 9 - Natural Disasters 99

LESSON 7 (TIẾT 7): **LOOKING BACK & PROJECT**






Gồm 2 phần:

+ Looking back (4 - 5 hoạt động): **Củng cố, luyện tập lại kiến thức từ vựng và ngữ pháp đã học trong bài.** Qua phần này, giáo viên sẽ nắm được học sinh đạt kết quả học tập đến đâu để có thể cho các em luyện tập thêm.

+ Project: Là một nhiệm vụ nhằm khuyến khích khả năng học tập, làm việc độc lập và theo nhóm của học sinh. Đây cũng là phần thực hành của mỗi đơn vị bài học, gắn với thực tiễn, giúp phát triển tư duy và trí tưởng tượng của học sinh và giúp các em rèn luyện kỹ năng sống của mình.

LOOKING BACK

Vocabulary

- Write the name of a natural disaster in each blank.
 - What natural disaster involves a lot of water in an area? 
 - heavy rain and strong winds? 
 - the earth trembling? 
 - ash and gas? 
 - rocks and mud coming down hills or mountains? 

Grammar

- Put the verbs into the correct tense: the past simple or past continuous.
 - What _____ you (do) _____ at 8 o'clock yesterday morning?
 - Last year, earthquakes (destroy) _____ a lot of houses in Japan.
 - He (beat) _____ the flowers in his garden when the tornado (come) _____.
 - While they (call) _____ for help, the rescue workers (appear) _____.
 - _____ you (listen) _____ to music at 9 o'clock yesterday evening?
- Complete the sentences about you and your family members.
 - At 7 p.m. yesterday, ...
 - I was _____.
 - my grandmother / grandfather _____.
 - my mother _____.
 - my father _____.
 - my sister / brother _____.

PROJECT

WHAT DO WE KNOW ABOUT IT?

Work in groups.

- Choose a natural disaster you want to learn more about.
- Research it. You can use these questions to guide you:
 - What causes it?
 - Where and when does it usually happen?
 - What effects can it have?
 - What should people do before, during, and after it happens?
- Create a poster about this natural disaster. Draw pictures or find suitable photos for it.
- Present the poster to the class.

Answers:

Q1: A Q2: B Q3: C
 Q4: B Q5: C Q6: A

• 5 - 6 correct answers: You certainly know a lot about natural disasters.
 • 3 - 4 correct answers: Try to learn more about natural disasters.
 • 0 - 2 correct answers: You don't know much about natural disasters.

Now I can ...				
• use the words related to types of natural disasters and words describing natural disasters.	✓	✓	✓	✓
• pronounce the words ending in -land -ous with correct stress.	✓	✓	✓	✓
• use the past continuous.	✓	✓	✓	✓
• give and respond to bad news.	✓	✓	✓	✓
• read about natural disasters.	✓	✓	✓	✓
• talk about a natural disaster.	✓	✓	✓	✓
• listen about things to do before, during, and after a natural disaster.	✓	✓	✓	✓
• write instructions about things to do before, during, and after a natural disaster.	✓	✓	✓	✓

3.4. Phân tích một vài chủ đề / bài học đặc trưng minh họa cho những điểm mới của sách

a. Đường hướng giao tiếp

Tiếng Anh 8 - Global Success được biên soạn theo Đường hướng giao tiếp. Các hoạt động giao tiếp được đưa vào sách như:

- Hoàn thành nhiệm vụ (Task-completion)
- Thu thập thông tin (Information-gathering)

5 **GAME** Word games

Work in groups. Think of six nouns related to each of the topics below, in which three nouns are countable and three nouns are uncountable. The group that comes up with the correct six words first wins.

- Leisure time
- Living in the mountains

4 **Work in groups. Take turns to ask and answer the questions.**

- What leisure activities do you usually do with your family?
- Which one do you like the most? Why?
- How do you feel when you spend time with your family members?

Record your friends' answers in the table below.

Friend's name	Question 1	Question 2	Question 3

- Chia sẻ ý kiến (Opinion-sharing)

5 Work in groups. Share with your group the information about the Jrai people you find interesting.

You may start sharing your opinion with:

- I like ... because ...
- I think that ...

- Reasoning gap (khoảng trống tư duy)

1 Read the schedule of the Spring Fair and select the event that each person wants to attend. Write the event names in the table.

SPRING FAIR (JANUARY 16 – 25)

Location: Viet Nam National Village for Ethnic Culture and Tourism

The fair offers opportunities for tourists to learn about the life of ethnic people in Viet Nam.

Ethnic Markets

January 16 – 25

Exhibition of specialities of many ethnic groups featuring vegetables, flowers, crafts, and more.

Photo Exhibition

January 16 – 25

Photos showing the daily activities of ethnic people in their villages.

Performances

January 17 and 24

More than 20 performances demonstrating various traditional songs and dances.

Childhood Fun

January 17 – 18 and 24 – 25

A great day out for the family. Children can have fun taking part in traditional folk games and make handicrafts with the help of local artisans.

A Pottery Village

January 17 – 18 and 24 – 25

An introduction to pottery making by artisans from Bau Truc pottery village.

People	Events
1. Ann wants to take her children out to play folk games.	
2. Tom wants to learn about making pottery.	
3. Alice wants to see ethnic dance performances.	
4. Mai wants to learn more about farm products.	
5. Mark wants to see a collection of ethnic people's daily activities.	

b. Đường hướng phát triển năng lực

- Tiếng Anh 8 - Global Success chú trọng vào việc phát triển năng lực giao tiếp của người học với các mục tiêu, các kĩ năng ngôn ngữ được xác định cụ thể từ đầu, các chức năng ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng. Đảm bảo khi học sinh học hết lớp 8 sẽ đạt được bậc năng lực Bậc 2.3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
- Mục tiêu các đơn vị bài học được trình bày rõ ràng ở trang đầu tiên của mỗi đơn vị bài học và sách giáo viên, ví dụ:

+ Sách học sinh:

THIS UNIT INCLUDES:

Vocabulary

- Types of natural disasters
- Words describing natural disasters

Pronunciation

Stress in words ending in
-al and -ous

Grammar

Past continuous

Skills

- Reading about natural disasters
- Talking about a natural disaster
- Listening about things to do before, during, and after a natural disaster
- Writing instructions about things to do before, during, and after a natural disaster

Everyday English

Giving and responding to bad news


+ Sách giáo viên:

Objectives:

By the end of this unit, students will be able to:

- use the words related to types of natural disasters and words describing natural disasters;
- pronounce the words ending in -al and -ous with the correct stress;
- use the past continuous;
- give and respond to bad news;
- read for specific information about natural disasters;
- talk about a natural disaster;
- listen for specific information about things to do before, during, and after a natural disaster;
- write instructions about things to do before, during and after a natural disaster.

- Các chức năng ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng, được lồng ghép trong các bài *Communication*:

1 Listen and read the dialogue below. Pay attention to the highlighted sentences. 

Mark: Phong, why are you so sad?

Phong: My grandparents called this morning. **A flood destroyed their house.**

Mark: **I'm sorry to hear that.**

Phong: **It also damaged all of their crops.**

Mark: **That's awful.** I hope your grandparents are safe.

2 Work in pairs. Practise giving and responding to bad news in the following situations.

- You have a friend in a mountainous area. A landslide destroyed his family's garden yesterday. You share this news with your classmate.
- You hear that a big earthquake hit a city. You share this news with your classmate.

- Các hoạt động cặp nhóm được sử dụng:

4 Work in pairs. Discuss and match the questions in A with the answers in B, and then make a conversation about an invention.

A	B
1. What invention?	a. Alphonse Bertillon
2. Who invented it?	b. Check identities of people at airports or offices
3. When invented?	c. Biometrics
4. What benefit?	d. 1800s
	e. Check students' attendance

Example:

A: What invention do you like?

B: I like biometrics.

A: Who invented it?

B: Alphonse Bertillon.

c. Đường hướng tích hợp

- Các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện tập ở tất cả các phần của các đơn vị bài học; sau đó các kĩ năng lại được dạy và luyện tập chuyên sâu ở phần Skills.

5 Work in groups. Ask and answer questions about a technology or an invention. Use the example in 4 as a cue. Then report your answers to the class.

Example:

Mi likes biometrics. Alphonse Bertillon invented it in 1800s. It is a very important technology. We use it to ...

4 Choose the correct answer to each question to see how much you know about natural disasters.

QUESTIONNAIRE

Question 1: Which of these may cause landslides?

- A. Heavy rain.
- B. Wind.
- C. Lightning.

Question 2: Which of these activities may cause landslides?

- A. Littering.
- B. Cutting down trees.
- C. Polluting the air.

Question 3: What scale is used for measuring earthquakes?

- A. Fahrenheit scale.
- B. Celsius scale.
- C. Richter scale.

Question 4: What natural disaster can an earthquake cause?

- A. A flood.
- B. A landslide.
- C. A tornado.

Question 5: What do tornadoes form from?

- A. An earthquake.
- B. A flood.
- C. A thunderstorm.

Question 6: Where do tornadoes mostly happen?

- A. In the USA.
- B. In the UK.
- C. In Viet Nam.

5 Work in pairs. Compare your answers. Then check your answers with the key on page 101. How many points did each of you get?

SKILLS 1

Reading

1 Match the headlines (1–2) with the natural disasters (A–B).

- | | |
|---|----------------------|
| 1. 30 seconds of a slight shaking in Ha Noi | A. volcanic eruption |
| 2. A thick layer of ash covers Tonga | B. earthquake |

2 Read the two news articles. Match the highlighted words with their meanings.



A volcano in the South Pacific erupted **violently** last Saturday. It hit Tonga, an island country in the area. The eruption sent a cloud of ash and gas into the air. People could see this cloud from 20 kilometres away. The eruption also caused a **tsunami** which flooded properties in Tonga's capital. Besides, it destroyed hundreds of homes on some small islands. More than twenty people on these islands are still **missing**. New Zealand sent two big ships to Tonga to help the victims yesterday.

Unit 9 - Natural Disasters 97



Residents in tall buildings in Ho Noi were frightened when they felt a slight shaking for about 30 seconds last night. 'I was watching TV when my building started **trembling**. Books, lights, and other things also moved.' Ms Nguyen Ha, a resident in the Sunshine Building, shared. Many people living in the building ran out of their homes in **panic**, according to scientists, a strong earthquake in China caused this shaking. Luckily, there was no damage.

- | | |
|--------------|---|
| 1. violently | a. not yet found |
| 2. tsunami | b. slightly shaking |
| 3. missing | c. the bad feeling you have when you are frightened |
| 4. trembling | d. very strongly |
| 5. fear | e. very large waves in the sea |

3 Read the articles again and answer the questions.

1. Where and when did the eruption happen?
2. What did the eruption cause?
3. What were the other effects of the eruption?
4. How long did the buildings shake?
5. What caused the shaking?

98 Tiếng Anh 8

Speaking

4 Work in pairs. Match the questions with the answers.

- | | |
|--|--|
| 1. What kind of natural disaster was it? | a. Five days of heavy rain caused it. |
| 2. When and where did it happen? | b. Many houses were flooded, two villagers died, and five others were missing. |
| 3. What caused it? | c. It was a serious flood. |
| 4. What were its effects? | d. Rescue workers looked for the missing people, and volunteers gave food and drinks to the victims. |
| 5. How did people help the victims? | e. It happened in a village in Phu Yen last week. |

5 Work in groups. Prepare a short piece of news about the natural disaster in 4 or one you know of. Report the news to the class.

Example: Five days of heavy rain caused a serious flood in a village in Phu Yen. The flood happened last week. ...



SKILLS 2

Listening

1 Work in pairs. Look at the picture and answer the questions.



1. What can you see in the picture?
2. When do we need these things?

2 Listen to a broadcast. Put the activities (1–4) in the correct column. (3)

1. Listen to instructions from local authorities.
2. Prepare an emergency kit.
3. Stay inside the house.
4. Keep away from dangerous areas.
5. Avoid windows and glass doors.
6. Strengthen houses.

Before a storm	During a storm	After a storm

3 Listen again and tick (✓) (True) or F (False) for each sentence. (3)

	T	F
1. The broadcast is on TV.		
2. You should bring flowerpots and rubbish bins into the house.		
3. Right after the storm, you can leave your home.		
4. The local authority may warn you about dangerous places.		

Writing

4 Work in pairs. Discuss what you should do before, during, and after a flood. Write your ideas in the columns.

Before a flood	During a flood	After a flood
- Prepare an emergency kit.	- Stay inside a safe and high place.	- Avoid moving water.
-	-	-

5 Write instructions (80–100 words) about things to do before, during, and after a flood.

Start as follows:

Here are the things you should do before, during and after a flood.
Before:
-
-
During:
-
-
After:
-
-

Unit 9 - Natural Disasters 99

- Các dự án học tập giúp học sinh vừa phát triển đồng thời các kĩ năng thực hành tiếng vừa phát triển các kĩ năng học tập và làm việc của thế kỉ 21 như kĩ năng giao tiếp, kĩ năng năng hợp tác, tư duy phê phán ...

d. Dạy học theo nhiệm vụ

- Personal experience sharing (chia sẻ trải nghiệm bản thân)

4 Work in groups. Talk about a platform you use for your online classes or one you know about. What are the benefits and problems of using it?

- Brainstorming (động não)

4 Work in pairs. Use your imagination to make notes in the table below about what aliens living on another planet would be like.

Name	
Living place	
Appearance	
Behaviour	
Lifestyle	

e. Dạy học theo dự án

- Các dự án học tập đa dạng nhằm phát triển các kĩ năng ngôn ngữ và các kĩ năng khác như giao tiếp, hợp tác, phân tích, tổng hợp thông tin... Hệ thống dự án trong bộ Tiếng Anh Global Success chạy từ lớp 1 tới lớp 12.

PROJECT

WHAT DO WE KNOW ABOUT IT?

Work in groups.

- 1 Choose a natural disaster you want to learn more about.
- 2 Research it. You can use these questions to guide you:
 - What causes it?
 - Where and when does it usually happen?
 - What effects can it have?
 - What should people do before, during, and after it happens?
- 3 Create a poster about this natural disaster. Draw pictures or find suitable photos for it.
- 4 Present the poster to the class.



Answers:

- Q1: A Q2: B Q3: C
Q4: B Q5: C Q6: A
- 2-4 correct answers: You certainly know a lot about natural disasters.
 - 3-4 correct answers: Try to learn more about natural disasters.
 - 0-2 correct answers: You don't know much about natural disasters.

Now I can ...

- use the words related to types of natural disasters and words describing natural disasters, pronounce the words ending in -or and -ous with correct stress.
- use the past continuous.
- give and respond to brief texts.
- read about natural disasters.
- talk about a natural disaster.
- listen about things to do before, during, and after a natural disaster.
- write instructions about things to do before, during, and after a natural disaster.

Unit 9: Natural Disasters 101

- Comparing (so sánh)

4 Work in groups. Read Mai's notes on the Vietnamese unicorn dance. Compare the Vietnamese unicorn dance with the Japanese lion dance.

Vietnamese unicorn dance	
Vietnamese name	<i>mua lan</i>
Occasions	- Mid-Autumn and New Year Festivals - business openings and weddings
Number of performers	one or more
Skills	martial arts and acrobatics
Dance partner	<i>ong Dia</i>
Musical instrument	drum
Purpose	to wish for luck and success

PROJECT

Interesting lifestyles around the world



Work in groups.

- 1 Find information about an interesting way of life around the world, including:
 - everyday life
 - ways of cooking
 - making crafts
 - folk songs and dances
 - festivals
 - ...

You can refer to one of these, or you can choose your own. You may need to use the Internet to find information.

- Life of herders in Cocker Peak, Australia
- Nomadic life in Mongolia
- Life of the Ede ethnic group of Viet Nam

- 2 Work in groups. Make a poster to introduce the people.
- 3 Give a presentation to the class.

Now I can ...

- use the words related to the topic: Lifestyles.
- pronounce the sounds /br/ and /pr/ correctly in words and sentences.
- use the future simple and the first conditional.
- express certainty.
- read about an interesting lifestyle and ways to maintain its traditional lifestyle.
- talk about maintaining traditional lifestyles.
- listen about the impact of modern technology on lifestyles.
- write a paragraph about the advantages or disadvantages of online learning.

Unit 6: Lifestyles 69

PROJECT

A serious pollution problem in my area

Work in groups.

- 1 Choose a serious pollution problem in your area (noise pollution, air pollution, water pollution, ...). Suggest solutions to the problem.
- 2 Make a poster. Write your solutions on the poster. Use pictures to illustrate / decorate your poster.
- 3 Present your poster to the class.



Now I can ...

- use the words related to environmental protection.
- pronounce the sounds /s/ and /z/ correctly in words and sentences.
- use complex sentences with adverb clauses of time.
- ask for clarification.
- read about Can Dae National Park.
- talk about Vu Quang National Park.
- listen about water pollution.
- write a notice.

Unit 7: Environmental Protection 81

SKILLS 2

Listening

1. Work in pairs. Look at the picture and answer the questions.



- What can you see in the picture?
- When do we need these things?

2. Listen to a broadcast. Put the activities (1 - 6) in the correct column.

- Listen to instructions from local authorities.
- Prepare an emergency kit.
- Stay inside the house.
- Keep away from dangerous areas.
- Avoid windows and glass doors.
- Strengthen houses.

Before a storm	During a storm	After a storm

3. Listen again and tick (✓) (True) or F (False) for each sentence (a-g).

	T	F
1. The broadcast is on TV.		
2. You should bring flowerpots and rubbish bins into the house.		
3. Right after the storm, you can leave your home.		
4. The local authority may warn you about dangerous places.		

Writing

4. Work in pairs. Discuss what you should do before, during, and after a flood. Write your ideas in the columns.

Before a flood	During a flood	After a flood
- Prepare an emergency kit.	- Stay inside a safe and high place.	- Avoid moving water.
-	-	-

5. Write instructions (80 - 100 words) about things to do before, during, and after a flood.

Start as follows:

Here are the things you should do before, during, and after a flood.

Before:

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

PROJECT

WHAT DO WE KNOW ABOUT IT?

Work in groups.

1. Choose a natural disaster you want to learn more about.

2. Research it. You can use these questions to guide you:

- What causes it?
- Where and when does it usually happen?
- What effects can it have?
- What should people do before, during, and after it happens?

3. Create a poster about this natural disaster. Draw pictures or find suitable photos for it.

4. Present the poster to the class.



Answers:

Q2: B Q3: C

Q4: B Q5: C Q6: A

• 5 - 6 correct answers: You certainly know a lot about natural disasters.

• 3 - 4 correct answers: Try to learn more about natural disasters.

• 0 - 2 correct answers: You don't know much about natural disasters.

Now I can ...

- use the words related to types of natural disasters and words describing natural disasters.
- pronounce the words ending in -ol and -ous with correct stress.
- use the past continuous.
- give and respond to bad news.
- read about natural disasters.
- talk about a natural disaster.
- listen about things to do before, during, and after a natural disaster.
- write instructions about things to do before, during, and after a natural disaster.

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓ ✓ ✓

PROJECT

COMMUNICATION IN THE FUTURE

Work in groups.

1. Imagine a means of communication in 2050.

2. Describe that means of communication.

Use the following guiding questions:

- What is it?
- How will it help you communicate?
- What advantages might it have?
- Will it have any disadvantages?
- If yes, what are they?



3. Present your idea to the class. You can make a poster or create a model for your presentation.

Now I can ...

- use the words related to communication technology
- pronounce the words ending in -ise and -se with correct stress.
- recognise and use prepositions of place and time, and possessive pronouns.
- interrupt politely.
- read about a way of communicating in the future.
- talk about the advantages and disadvantages of a way of communicating.
- listen to an announcement about a communication exhibition.
- write a paragraph to describe a way of modern communication.

g. Dạy học tích hợp nội dung

- Tích hợp văn hóa

4 Work in groups. Read the two passages and discuss the questions below.

Italy

Italy is famous for pizza. Pizza is a dish with a flat round bread base with cheese, meat, and vegetables on top. The country is also known for its spaghetti and pasta. Italy is also famous for its many types of cheese (over 400 types). There is one that allows flies to lay eggs on it, and it has a unique taste.

India

Curry is a common dish in India. It is a dish of meat and vegetables cooked in a sauce and served with rice or bread. In fact, India has a vast range of cuisines. People in some areas of India favour vegetarian food. But chicken, lamb, or goat are common in other areas. Generally, Indians avoid beef.

Do you prefer Italian or Indian food? Why / Why not?

5 Work in groups. Talk about the typical food in your area. Discuss the following:

- staple food
- favourite food
- foods eaten on special occasions

Example:

A: What is the staple food in your area?

B: It's rice.

C: Yes. We have rice with most of our meals.

...

- Tích hợp khoa học

4 Choose the correct answer to each question to see how much you know about natural disasters.

QUESTIONNAIRE

Question 1: Which of these may cause landslides?

- A. Heavy rain.
- B. Wind.
- C. Lightning.

Question 2: Which of these activities may cause landslides?

- A. Littering.
- B. Cutting down trees.
- C. Polluting the air.

Question 3: What scale is used for measuring earthquakes?

- A. Fahrenheit scale.
- B. Celsius scale.
- C. Richter scale.

Question 4: What natural disaster can an earthquake cause?

- A. A flood.
- B. A landslide.
- C. A tornado.

Question 5: What do tornadoes form from?

- A. An earthquake.
- B. A flood.
- C. A thunderstorm.

Question 6: Where do tornadoes mostly happen?

- A. In the USA.
- B. In the UK.
- C. In Viet Nam.

3.5. Phân phối chương trình / Kế hoạch dạy học

Tiếng Anh 8 - Global Success được sử dụng trong dạy và học tiếng Anh ở lớp 8 với thời lượng 3 tiết/ tuần (105 tiết cho một năm học với 35 tuần). Tiếng Anh 8 - Global Success gồm 12 đơn vị bài học (Unit). Sau mỗi 3 đơn vị bài học là một bài ôn tập (Review).

Tổng số tiết trong năm học: $35 \text{ tuần} \times 3 \text{ tiết} = 105 \text{ tiết}$
 Số tiết thực dạy: $7 \text{ tiết/ bài} \times 12 \text{ bài} = 84 \text{ tiết}$
 Số tiết ôn tập: $2 \text{ tiết/ bài ôn} \times 4 \text{ bài} = 8 \text{ tiết}$
 Số tiết kiểm tra (giữa học kì và cuối học kì): $= 8 \text{ tiết}$

[Gồm: kiểm tra giữa kì 1 tiết, chữa bài kiểm tra 1 tiết x 2 học kì = 4 tiết]

2 bài kiểm tra cuối hai kì, mỗi bài 2 tiết (không thiết kế thời gian chữa bài) = 4 tiết]

Dự phòng: $= 5 \text{ tiết}$

Học kì I: $18 \text{ tuần} \times 3 \text{ tiết/ tuần} = 54 \text{ tiết}$

Tuần	Tiết	Bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 1	1	UNIT 1	Getting started
	2	UNIT 1	A closer look 1
	3	UNIT 1	A closer look 2
Tuần 2	4	UNIT 1	Communication
	5	UNIT 1	Skills 1
	6	UNIT 1	Skills 2

Tuần	Tiết	Bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 3	7	UNIT 1	Looking back & Project
	8	UNIT 2	Getting started
	9	UNIT 2	A closer look 1
Tuần 4	10	UNIT 2	A closer look 2
	11	UNIT 2	Communication
	12	UNIT 2	Skills 1
Tuần 5	13	UNIT 2	Skills 2
	14	UNIT 2	Looking back & Project
	15	UNIT 3	Getting started
Tuần 6	16	UNIT 3	A closer look 1
	17	UNIT 3	A closer look 2
	18	UNIT 3	Communication
Tuần 7	19	UNIT 3	Skills 1
	20	UNIT 3	Skills 2
	21	UNIT 3	Looking back & Project
Tuần 8	22		Review 1 (Language)
	23		Review 1 (Skills)
	24		Mid-term test
Tuần 9	25		Feedback on mid-term test
	26	UNIT 4	Getting started
	27	UNIT 4	A closer look 1
Tuần 10	28	UNIT 4	A closer look 2
	29	UNIT 4	Communication
	30	UNIT 4	Skills 1
Tuần 11	31	UNIT 4	Skills 2
	32	UNIT 4	Looking back & Project
	33	UNIT 5	Getting started
Tuần 12	34	UNIT 5	A closer look 1
	35	UNIT 5	A closer look 2
	36	UNIT 5	Communication
Tuần 13	37	UNIT 5	Skills 1
	38	UNIT 5	Skills 2
	39	UNIT 5	Looking back & Project

Tuần	Tiết	Bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 14	40	UNIT 6	Getting started
	41	UNIT 6	A closer look 1
	42	UNIT 6	A closer look 2
Tuần 15	43	UNIT 6	Communication
	44	UNIT 6	Skills 1
	45	UNIT 6	Skills 2
Tuần 16	46	UNIT 6	Looking back & Project
	47		Review 2 (Language)
	48		Review 2 (Skills)
Tuần 17	49		1 st term exam
	50		1 st term exam (Speaking)
	51		In reserve
Tuần 18	52	UNIT 7	Getting started
	53	UNIT 7	A closer look 1
	54	UNIT 7	A closer look 2

Học kì II: 17 tuần x 3 tiết/ tuần = 51 tiết

Tuần	Tiết	Bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 19	1	UNIT 7	Communication
	2	UNIT 7	Skills 1
	3	UNIT 7	Skills 2
Tuần 20	4	UNIT 7	Looking back & Project
	5	UNIT 8	Getting started
	6	UNIT 8	A closer look 1
Tuần 21	7	UNIT 8	A closer look 2
	8	UNIT 8	Communication
	9	UNIT 8	Skills 1
Tuần 22	10	UNIT 8	Skills 2
	11	UNIT 8	Looking back & Project
	12	UNIT 9	Getting started
Tuần 23	13	UNIT 9	A closer look 1
	14	UNIT 9	A closer look 2
	15	UNIT 9	Communication

Tuần	Tiết	Bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 24	16	UNIT 9	Skills 1
	17	UNIT 9	Skills 2
	18	UNIT 9	Looking back & Project
Tuần 25	19		Review 3 (Language)
	20		Review 3 (Skills)
	21		Mid-term test
Tuần 26	22		Feedback on mid-term test
	23	UNIT 10	Getting started
	24	UNIT 10	A closer look 1
Tuần 27	25	UNIT 10	A closer look 2
	26	UNIT 10	Communication
	27	UNIT 10	Skills 1
Tuần 28	28	UNIT 10	Skills 2
	29	UNIT 10	Looking back & Project
	30	UNIT 11	Getting started
Tuần 29	31	UNIT 11	A closer look 1
	32	UNIT 11	A closer look 2
	33	UNIT 11	Communication
Tuần 30	34	UNIT 11	Skills 1
	35	UNIT 11	Skills 2
	36	UNIT 11	Looking back & Project
Tuần 31	37	UNIT 12	Getting started
	38	UNIT 12	A closer look 1
	39	UNIT 12	A closer look 2
Tuần 32	40	UNIT 12	Communication
	41	UNIT 12	Skills 1
	42	UNIT 12	Skills 2
Tuần 33	43	UNIT 12	Looking back & Project
	44		Review 4 (Language)
	45		Review 4 (Skills)
Tuần 34	46		2 nd term exam
	47		2 nd term exam (Speaking)
	48		In reserve

Tuần	Tiết	Bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 35	49		In reserve
	50		In reserve
	51		In reserve

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC/ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học/ tổ chức hoạt động

- Phương pháp giáo dục chủ đạo trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học.
- Một phương pháp giáo dục nữa được quy định trong Chương trình là đường hướng phát triển năng lực. Đối với giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, đường hướng phát triển năng lực thể hiện những quan điểm và đường hướng chính như sau:
 - + Việc học ngoại ngữ cần được xác định rõ mục tiêu, với các kỹ năng ngôn ngữ được xác định cụ thể từ đầu.
 - + Các chức năng ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong chương trình học.
 - + Ngôn ngữ có thể được phân theo chức năng thành những phần nhỏ có thể dạy và kiểm tra, đánh giá được.
 - + Lấy năng lực giao tiếp làm trọng tâm.

2. Hướng dẫn, gợi ý phương pháp, cách thức tổ chức dạy học / hoạt động

Để phát triển năng lực của người học trong lớp học giáo viên cần:

- + Xác định rõ mục tiêu của tiết học, bài học, chương trình học.
- + Phát triển năng lực giao tiếp của người học (bao gồm cả việc phát triển lồng ghép các kỹ năng).
- + Phát triển chức năng ngôn ngữ.
- + Kiểm tra và đánh giá theo năng lực của người học.

3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài / hoạt động điển hình

The image displays six pages from a textbook, illustrating lesson plans for Unit 9: Natural Disasters. The pages are numbered 161, 162, 163, and 164. The content includes:

- Page 161:** Unit 9 NATURAL DISASTERS. Objectives: By the end of this unit, students will be able to: use the words related to types of natural disasters and words describing natural disasters; pronounce the words ending in -al and -ous with the correct stress; use the past continuous; guess and respond to bad news; read for specific information about natural disasters; talk about a natural disaster; listen for specific information about things to do before, during, and after a natural disaster; write instructions about things to do before, during and after a natural disaster.
- Page 162:** GETTING STARTED. WE ARE ALL SAFE! ACTIVITY 1. Aims: To set the context for the introductory dialogue; To introduce the topic of the unit and the vocabulary to be learnt. Includes a dialogue between Tom and Mi about a tsunami.
- Page 163:** WARM-UP & INTRODUCTION. Aims: To create an active atmosphere in the class before the lesson; To lead into the new unit. Includes a 'Warm-up' activity where students discuss natural disasters and a 'Pre-reading' activity where they identify the main idea of a text.
- Page 164:** EXTRA ACTIVITY. ACTIVITY 2: Aim: To help Ss understand the conversation. ACTIVITY 3: Aim: To help Ss understand the meaning of the words and phrases indicating natural disasters in S. ACTIVITY 4: Aim: To help Ss review the words and phrases indicating natural disasters. ACTIVITY 5: Aim: To help Ss review the words and phrases indicating natural disasters. WRAP-UP: Ask one or two Ss to tell the class what they have learnt.

IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

- Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.
- Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kì được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho lớp 8.
- Theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 thì với môn tiếng Anh là môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số được giảng dạy hơn 70 tiết/ 1 năm học thì sẽ có 4 điểm đánh giá thường xuyên/ 1 học kì và 4 điểm đánh giá định kì/ 1 năm học.


- Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

2. Gợi ý, ví dụ minh họa về đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá

Như đã trình bày ở trên môn tiếng Anh là môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số. Theo quy định tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021, việc đánh giá thường xuyên có thể thực hiện thông qua các dự án học tập. Vì vậy hệ thống dự án trong sách giáo khoa *Tiếng Anh 8 - Global Success* có thể được sử dụng để đánh giá thường xuyên.

PROJECT

LEISURE TIME SURVEY



Work in groups.

- Interview some students from your class or from other classes. Use the questions below.
 - When do you have free time?
 - What do you like doing with your family in your free time?
 - What do you like doing with your friends in your free time?
 - What leisure activities do you like doing on your own?
 - What leisure activities would you like to try in the future?
- Collect the answers. Use the table below.

Student	Question 1	Question 2	Question 3	Question 4	Question 5
- Report your group's findings to your class based on the following guiding questions:
 - How many students did you interview?
 - When do the students have free time?
 - What are the most popular activities they do with their family?
 - What are the most popular activities they do with their friends?
 - What are the most popular activities they do on their own?
 - What leisure activities would they like to try in the future?


Now I can ...

<ul style="list-style-type: none"> use the words related to leisure activities and expressions about likes and dislikes. pronounce the sounds /u/ and /ʌ/ correctly in words and sentences. use verbs of liking / disliking followed by gerunds and / to-infinitives to talk about likes and dislikes. invite and accept invitations. read about leisure activities with family. talk about leisure activities with family. listen about leisure activities with friends. write an email about leisure activities with friends. 	✓	✓	✓	✓
---	---	---	---	---

Unit 1 - Leisure Time 17

PROJECT

OUR SCHOOL CLUB

Work in groups.

- Think about a club you would like to have at your school. Brainstorm details about the club by answering these questions.
 - What club is it?
 - What specific activities will the club have?
 - How often will the club meet? When?
 - What will you contribute to the club?
- Create a poster about the club.
- Present your poster to the class.


Now I can ...

<ul style="list-style-type: none"> use the words related to teen school clubs, teens' use of social media and teen stress. pronounce the sounds /ɔə/ and /ʒ/ correctly in words and sentences. use simple sentences and compound sentences. make requests. read about school club activities. ask and answer questions about school clubs. listen to a talk about teen stress. write a paragraph about the cause(s) of my stress and my solutions to deal with it. 	✓	✓	✓	✓
--	---	---	---	---

Unit 3 - Teenages 17

PROJECT

YOUR DREAM SHOPPING PLACE



Work individually.

- Imagine a shopping place you would like to have in your neighbourhood.
- Draw it or find a picture similar to it.
- Present it to the class.


You can include:

 - the name of the shopping place.
 - how beautiful / convenient it is.
 - range of products / services / entertainment it offers.
 - what is special about it.

CARD B

Northwood Shopping Centre

Opens next month, 24 March
 In Northwood, 8 kilometres from city centre.
 More than 60 shops, 4 restaurants, 2 cafes,
 a cinema, a playground for children.
 Opening hours: 9:00 - 21:00




Now I can ...

<ul style="list-style-type: none"> use the words related to shopping. pronounce the sounds /ɜp/ and /ɜt/ correctly in words and sentences. recognise and use adverbs of frequency and the present simple for future events. make complaints. read about the reasons people go to shopping centres. talk about a shopping place. listen to a talk about online shopping. write a paragraph about the advantages and disadvantages of a shopping place. 	✓	✓	✓	✓
---	---	---	---	---

Unit 8 - Shopping 91

PROJECT

OUR FAVOURITE PLANET



Work in groups.

- Choose a planet in our solar system that you like and search for the information about it.
- Design a poster about that planet, including:
 - The planet's name:** What does its name mean?
 - Size:** How big is it?
 - Atmosphere:** What is its atmosphere like? Is it a thick or a thin atmosphere?
 - Temperature:** What is its average temperature? How hot and cold does it get?
 - Appearance:** What does it look like?
 - Something special:** Is there anything special about it?
- Present your poster to the class.

Now I can ...

<ul style="list-style-type: none"> use the words related to the topic: Life on other planets. use intonation for making lists correctly. use reported speech for questions. express uncertainty. read about the possibility of life on other planets. talk about the conditions needed for planets to support human life. listen about an imaginary planet and its creatures. write a paragraph to describe imaginary creatures living on another planet. 	✓	✓	✓	✓
---	---	---	---	---

Unit 12 - Life on Other Planets 113

V. TÀI NGUYÊN VÀ HỢP PHẦN BỔ TRỢ

1. Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách giáo viên

1.1 Giới thiệu chung

- *Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách giáo viên* được viết bằng tiếng Anh và được biên soạn nhằm mục đích hướng dẫn và gợi ý giáo viên cách khai thác sách học sinh tối đa để đạt kết quả học tập cao nhất.
- Các hoạt động gợi ý, hướng dẫn được viết theo quan điểm lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi học sinh trong khi tham gia vào các hoạt động ngôn ngữ và giao tiếp trên lớp học.

1.2. Cấu trúc

Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách giáo viên bao gồm những cấu phần như sau:

- Mục tiêu của từng đơn vị bài học
- Hướng dẫn chi tiết các bước lên lớp của từng hoạt động trong từng tiết học (Lesson), từng đơn vị bài học (Unit) trong SHS.
- Audio scripts của các phần nghe và đáp án cho các hoạt động trong Sách học sinh.

1.3. Sử dụng Sách giáo viên hiệu quả

- Sách giáo viên cung cấp cho giáo viên những thông tin cơ bản và thiết thực về *Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách học sinh*, đồng thời hướng dẫn giáo viên thực hiện việc dạy học sách học sinh thông qua mô tả các hoạt động dạy học trong sách. Việc mô tả các hoạt động này chủ yếu mang tính chất định hướng, tham khảo đối với giáo viên trong quá trình dạy học.
- Để phục vụ đối tượng sử dụng sách đa dạng bao gồm các giáo viên còn ít kinh nghiệm cũng như các giáo viên đã có kinh nghiệm nhất định trong lĩnh vực dạy học tiếng Anh, Sách giáo viên cung cấp hướng dẫn dạy học thông qua việc thực hiện tuần tự các bước dạy học cơ bản của mỗi hoạt động trong một tiết học. Trên cơ sở đó, giáo viên có thể xây dựng và phát triển giáo án dạy học đáp ứng nhu cầu của lớp học cụ thể.
- Tùy theo điều kiện dạy học cụ thể của địa phương (đặc điểm của học sinh, cơ sở vật chất, môi trường dạy học Tiếng Anh, ...) và đặc thù của giáo viên, giáo viên có thể lựa chọn sử dụng *Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách giáo viên* theo những phương thức như sau:
 - Sử dụng Sách giáo viên một cách linh hoạt theo hướng: (i) áp dụng một số hướng dẫn dạy học trong Sách giáo viên phù hợp với điều kiện dạy học ở địa phương và (ii) điều chỉnh hoặc bổ sung thêm những phương pháp, hình thức tổ chức, kỹ thuật dạy học khác nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên cơ sở đáp ứng mục tiêu dạy học đề ra trong *Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách giáo viên*;
 - Tham khảo hướng dẫn dạy học trong *Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách giáo viên*, từ đó phát triển giáo án dạy học của cá nhân đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực giao tiếp của đối tượng học sinh cụ thể trên cơ sở tuân thủ định hướng dạy học của *Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách học sinh*.

- Dù lựa chọn phương thức sử dụng Sách giáo viên như thế nào, trước hết, giáo viên cần phải tìm hiểu và nắm vững Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh, đặc biệt là yêu cầu cần đạt đối với học sinh sau mỗi giai đoạn học tập được quy định trong Chương trình. Giáo viên cũng cần nắm vững định hướng dạy học của *Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách học sinh* thông qua tìm hiểu phần Introduction được giới thiệu ở phần đầu của *Tiếng Anh 8 - Global Success- Sách giáo viên*.
- Giáo viên cần được khuyến khích sử dụng Sách giáo viên một cách linh hoạt trên cơ sở tham khảo các nguồn tài liệu hỗ trợ dạy học khác như mạng Internet, sách tham khảo về phương pháp dạy học, sách mềm dạy học, công nghệ hỗ trợ dạy học, giáo án điện tử (trên hoclieu.vn), video dạy minh họa, ...
- Giáo viên không nên coi *Tiếng Anh 8 - Global Success- Sách giáo viên* như là mẫu giáo án được biên soạn sẵn, tài liệu này chủ yếu mang tính chất hướng dẫn, minh họa cho giáo viên trong quá trình dạy học. Giáo viên cần vận dụng Sách giáo viên một cách phù hợp để đáp ứng điều kiện dạy học đa dạng ở địa phương cũng như nhu cầu, năng lực của các đối tượng học sinh khác nhau trong lớp học nhằm phát huy tối đa hiệu quả của Sách giáo viên và góp phần dạy học phát triển năng lực cho học sinh.

2. Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách bài tập

- *Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách bài tập* được biên soạn giúp các em ôn tập lại và mở rộng, khắc sâu kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ học trên lớp, tăng thêm vốn từ, làm quen với các dạng bài thi và kiểm tra trong nước cũng như quốc tế.

Sách bài tập bao gồm các phần:

A. Pronunciation

Củng cố khả năng phát âm, khả năng nhận biết của học sinh về những âm phát âm giống nhau và khác nhau trong từ.

B. Vocabulary and grammar

Củng cố từ vựng và cấu trúc ngữ pháp học sinh đã học, mở rộng vốn từ vựng của học sinh thông qua các dạng bài tập khác nhau.

C. Speaking

Củng cố khả năng nói mà học sinh đã học thông qua tranh ảnh, sơ đồ, điền thông tin,... để thực hành nói.

D. Reading

Củng cố và phát triển kĩ năng đọc hiểu của học sinh ở cấp độ đoạn văn và đoạn thoại ngắn thông qua các dạng bài luyện đọc khác nhau.

E. Writing

Củng cố kĩ năng viết câu và viết đoạn văn của học sinh về những chủ đề đã học.

Ngoài 12 đơn vị bài tập tương ứng với 12 đơn vị bài học, sách *Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách bài tập* còn có 4 bài Test Yourself giúp học sinh tự kiểm tra những nội dung kiến thức và những yêu cầu về kĩ năng các em đã học sau mỗi 3 Đơn vị bài học, đồng thời làm quen với các dạng bài thi và kiểm tra.

3. Hệ thống sách tham khảo

3.1. vở bài tập Tiếng Anh 8 - Global Success

- Cuốn sách được biên soạn nhằm giúp giáo viên có thêm nguồn tài liệu tham khảo để thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì trên lớp; học sinh có thể tự kiểm tra đánh giá kiến thức của mình sau mỗi bài học.
- Cuốn sách gồm 16 đơn vị bài luyện tập bám sát 12 Unit và 4 Review trong sách giáo khoa *Tiếng Anh 8 - Global Success*, các bài ôn tập giữa kì, cuối kì (dưới dạng các Review). Các dạng bài tập được thiết kế để củng cố lại kiến thức đã học trên lớp thông qua các bài tập ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kĩ năng nói, đọc, viết. Qua việc học sinh hoàn thành các bài tập và hoạt động trong cuốn vở bài tập, giáo viên có thể đưa ra nhận xét và đánh giá cả quá trình học tập của học sinh một cách chính xác và hiệu quả hơn.
- Sách là nguồn tài liệu tham khảo để giáo viên tự biên soạn các bài kiểm tra thường xuyên và định kì cho học sinh.

3.2. Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 8

- Cuốn sách Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 8 được biên soạn nhằm giúp cho giáo viên và học sinh có thêm tài liệu tham khảo để ôn tập, củng cố và bổ trợ nâng cao kiến thức cũng như kĩ năng sử dụng tiếng Anh.
- Cuốn sách được xây dựng dựa trên nền tảng chương trình sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có cấu trúc gồm:
 - Phần 1: Ôn tập kiến thức, mở rộng kĩ năng theo các chủ đề trong chương trình học.
 - Phần 2: Đề kiểm tra tổng hợp giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng làm bài.
 - Phần 3: Đáp án.

3.3. Bộ trợ kĩ năng tiếng Anh 8 - Story Land 8

- Những kiến thức và kĩ năng cốt lõi được truyền thụ bằng hình thức mới mẻ, khác biệt sẽ tạo được hứng thú học tập cho học sinh. Đối với học ngoại ngữ, “vui mà học, học mà vui” luôn là mục tiêu hướng đến trong việc khơi gợi cảm hứng học tập của học sinh, đồng thời giúp các em phát triển kĩ năng học tiếng Anh một cách toàn diện. Vì vậy, bộ sách có tên gọi Story Land (Xứ sở truyện), được biên soạn theo chương trình và sách giáo khoa Tiếng Anh – Đề án ngoại ngữ 2020 của Bộ GD&ĐT ra đời để đáp ứng các tiêu chí đó.
- Bộ sách là sự hợp tác biên soạn, chỉnh sửa công phu giữa các tác giả là các giảng viên Tiếng Anh có nhiều năm kinh nghiệm của trường ĐHNHN, Đại học Sư phạm Hà Nội, các biên tập viên Tiếng Anh của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam và Highlights – đơn vị xuất bản sách tiếng Anh cho thiếu nhi hàng đầu của Hoa Kỳ. Các bài luyện đọc được biên soạn và chỉnh sửa công phu, đảm bảo tính sư phạm, tính hệ thống nhưng vẫn hấp dẫn và hiện đại, nhằm rèn luyện 4 kĩ năng cơ bản là Đọc – Viết (trên sách in) và Nghe – Nói (trên hoclieu.sachmem.vn).

4. Nguồn tài nguyên và hợp phần hỗ trợ tại website hoclieu.vn

4.1. Audio/File âm thanh

Cung cấp audio nghe cho các hoạt động dạy ngữ âm và dạy kỹ năng nghe.

4.2. Giáo án minh họa (biên soạn theo mẫu giáo án 5512 của Bộ GD&ĐT)

Cung cấp các giáo án minh họa cho các đơn vị bài học giúp giáo viên hình dung được các thành tố của một giáo án chuẩn và quy trình lên lớp. Dựa vào đó giáo viên có thể tự thiết kế giáo án của mình.

4.3. Bộ đề kiểm tra thường xuyên và định kì

Cung cấp các đề kiểm tra thường xuyên và định kì với các câu hỏi được các chuyên gia xây dựng công phu dựa trên các phân tích kỹ lưỡng, các yêu cầu kiến thức, kỹ năng và chuẩn đầu ra, bám sát các nội dung dạy học trên lớp, giúp cho học sinh và giáo viên đo lường được tiến bộ và tiến độ của việc học tập. Các câu hỏi được biên soạn với đầy đủ các thành tố ngôn ngữ được quy định trong CTGDPT môn Tiếng Anh, từ ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng tới các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

4.4. Bài giảng điện tử

Bài giảng điện tử là hệ thống các bài soạn gợi ý dựa trên nền tảng công nghệ điện tử (PowerPoint). Hệ thống bài soạn điện tử có nội dung bám sát các *Đơn vị bài học* trong sách giáo khoa *Tiếng Anh 8 - Global Success*. Mỗi bài soạn được thiết kế chi tiết cho từng hoạt động cho mỗi giờ lên lớp, bao gồm mục tiêu hoạt động, nội dung dạy học, các bước lên lớp cụ thể kèm thời gian, gợi ý các đồ dùng thiết bị cần sử dụng hay cái trò chơi, bài tập tương tác và cách thức đánh giá kết quả học tập sau mỗi hoạt động. Bài giảng điện tử có thể được sử dụng như một giáo án gợi ý, vừa giúp giáo viên tiết kiệm thời gian thiết kế bài dạy, vừa ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Trên cơ sở hệ thống bài giảng điện tử gợi ý, giáo viên có thể chỉnh sửa, nâng cấp để tạo ra những giáo án của riêng mình một cách dễ dàng, linh hoạt.

4.5. Tiết giảng minh họa

Cung cấp một số tiết giảng minh họa được các chuyên gia, giáo viên nhiều kinh nghiệm giảng dạy. Các tiết giảng minh họa là nguồn tham khảo giúp giáo viên hình dung được cụ thể các bước lên lớp hiệu quả, từ đó có thể xây dựng tiến trình giảng dạy của bản thân.

4.6. Video hướng dẫn phát âm

Hướng dẫn rất kỹ cách phát âm về khẩu hình miệng, cách kết hợp giữa răng, môi và lưỡi để tạo ra âm chính xác của từng âm tiết trên bảng phiên âm quốc tế IPA (International Phonetic Alphabet); video cũng hướng dẫn phát âm các từ và câu có chứa các âm đó.

4.7. Tài liệu tập huấn

Cung cấp các thông tin toàn diện về bộ sách bao gồm các yêu cầu trong Chương trình, quan điểm biên soạn, cấu trúc, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá, các học liệu hỗ trợ...

4.8. Phân phối chương trình / Kế hoạch dạy học

Cung cấp thông tin chi tiết về kế hoạch dạy học từng học kì, tuần học và tiết học, thời gian kiểm tra đánh giá...

4.9. Hệ sinh thái Học liệu số *hoclieu.vn*

Toàn bộ tài nguyên số phục vụ bộ sách Global Success nay đã được đặt trọn vẹn trong Hệ sinh thái Học liệu số *hoclieu.vn*. Giáo viên và học sinh không chỉ được thừa hưởng toàn bộ những tiện ích mà *sachmem.vn* cung cấp trước đây, mà còn được bổ sung một kho học liệu số đồ sộ, cung cấp đầy đủ công cụ cho việc dạy học trên lớp, tự học ở nhà, kiểm tra đánh giá và thi cử. Ngoài ra, *hoclieu.vn* được tích hợp Hệ thống Quản lý học tập LMS giúp giao bài, kiểm tra, chấm điểm, báo cáo tự động; hỗ trợ được cả việc dạy học trên lớp lẫn tổ chức các nhóm ôn tập tăng cường. Cụ thể phần mềm hỗ trợ có:

1. Sách mềm SHS, SBT (phiên bản dành cho học sinh). Đây chính là nội dung trong quyển sách giấy được chuyển thể thành dạng phần mềm Sách điện tử tương tác, tích hợp âm thanh và đồ họa sinh động, giúp tạo hứng thú cho người học.
2. Sách mềm SHS, SBT (phiên bản dành cho giáo viên). Phiên bản này có toàn bộ tính năng ở phiên bản dành cho học sinh, ngoài ra được tích hợp thêm các công cụ hỗ trợ giảng dạy trên lớp như viết, vẽ, đánh dấu, highlight, ẩn hiện đáp án, ... giúp giáo viên giảng dạy trực tiếp với bảng tương tác hoặc với máy chiếu vô cùng tiện lợi.
3. Test bank - Ngân hàng đề kiểm tra đánh giá: Với tính năng trộn đề, trộn câu hỏi, trộn đáp án, phục vụ cả làm bài kiểm tra trực tuyến trên máy, và in ấn chính sửa tạo đề kiểm tra trên giấy. Test bank là nguồn tư liệu tham khảo giá trị, giúp thầy cô giảm thiểu khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu mỗi lần ra đề.
4. Ngoài ra *hoclieu.vn* có một Hệ thống ôn luyện độc lập, được đặt tên là Học Liệu Thông Minh. Đây là hệ thống kiểm tra đánh giá năng lực được thiết kế áp dụng phương thức học tập thích ứng - Adaptive Learning - tự điều chỉnh độ khó và gợi ý câu hỏi phù hợp. Tính năng này giúp mỗi học sinh được cá nhân hóa học tập theo một lộ trình riêng, giúp tạo hứng thú và tiết kiệm thời gian. Hệ thống câu hỏi của Học liệu thông minh được xây dựng phù hợp để hỗ trợ cho nhu cầu ôn luyện mở rộng của bộ sách Global Success.
5. Về tính năng quản lý: Toàn bộ tài nguyên cung cấp bởi *hoclieu.vn* đều được tích hợp Hệ thống quản lý học tập LMS giúp giáo viên tạo lớp, tạo nhóm, tạo danh sách học sinh, ra bài, kiểm tra, chấm điểm, báo cáo tự động. Giáo viên có công cụ hỗ trợ đặc lựa trong tổ chức kiểm tra đánh giá, hạn chế gian lận và kết quả ảo. Tính năng quản lý cũng giúp phụ huynh theo sát được tiến độ học tập của con em mình. Giúp các cấp quản lý ở trường, và Sở có báo cáo tổng hợp đầy đủ và chi tiết và kịp thời, đáp ứng yêu cầu về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập.
6. Bộ SGK Tiếng Anh Global Success còn có một hệ thống hỗ trợ đồng bộ và các chương trình đào tạo bồi dưỡng thường niên, các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ với sự hướng dẫn của các chuyên gia trong và ngoài nước để có thể giúp các thầy cô có những giờ dạy thú vị, hiệu quả hơn.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

I. QUY TRÌNH THIẾT KẾ BÀI DẠY (GIÁO ÁN)

Giáo án là kế hoạch và dàn ý giờ lên lớp của giáo viên. Nói một cách khác giáo án là kế hoạch thực hiện các hoạt động học tập một cách hiệu quả trong một giờ học nhất định.

1. Một số nguyên tắc khi soạn giáo án

Cùng với thời gian, việc soạn giáo án sẽ trở nên dễ dàng hơn. Khi giáo viên có thêm kinh nghiệm, họ sẽ nắm được một số nguyên tắc cơ bản về việc soạn giáo án. Các nguyên tắc soạn giáo án chính là các nguyên tắc của một giờ dạy hiệu quả.

- Một giờ học hiệu quả bao gồm các hoạt động kết nối với nhau chứ không phải là tổng hợp của các hoạt động rời rạc. Học sinh cần hiểu rõ lí do cho từng hoạt động và học sinh sẽ học hiệu quả nhất khi có các hoạt động chuyển tiếp giữa các hoạt động học tập.
- Một giờ học hiệu quả thường đa dạng. Tính chất đa dạng thể hiện ở nhiều khía cạnh: đa dạng các hoạt động học tập, đan xen các hoạt động tĩnh và động, tốc độ tiến hành các hoạt động học tập khác nhau, hình thức tổ chức hoạt động (cá nhân, cặp, nhóm, cả lớp)...
- Một giờ học hiệu quả thường linh hoạt. Giáo viên có thể dừng lại để giải thích một nội dung khó, thảo luận cùng các em một câu hỏi hay hoặc tiến hành một hoạt động khác khi quan sát thấy học sinh đã hoàn thành hoạt động các em đang làm mặc dù thời gian cho hoạt động đó ghi trong giáo án chưa hết.

2. Các bước tiến hành

Khi thiết kế giáo án, giáo viên có thể theo các bước sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu của giờ dạy

Bước đầu tiên giáo viên cần xác định những gì mà học sinh có thể làm được khi giờ học kết thúc. Để xác định được đúng mục tiêu của giờ dạy, giáo viên có thể trả lời các câu hỏi sau:

- + Chủ đề/ Nội dung của giờ học là gì
- + Tôi muốn học sinh học được gì?
- + Đến cuối giờ học, tôi muốn học sinh làm được những gì?

Khi xác định mục tiêu giờ học chúng ta nên bắt đầu bằng động từ chỉ kĩ năng học sinh cần đạt được cùng với nội dung chính của bài học hoặc nhiệm vụ cơ bản mà học sinh cần thực hiện trong giờ học. Nói cách khác các mục tiêu này cần cụ thể (specific), đong

đếm được (measurable), có thể đạt được (achievable), thực tế (realistic) và có thể thực hiện được trong thời gian đã cho (timely).

Một số ví dụ về mục tiêu giờ lên lớp tiết học A CLOSER LOOK 1 - Unit 9 - Tiếng Anh 8:

- By the end of the lesson, students can:
- + use the words related to types of natural disasters and words describing natural disasters.
- + pronounce the words ending in *-al* and *-ous* with the correct stress.

Sau khi xác định được mục tiêu học tập, giáo viên nên sắp xếp các mục tiêu đó theo thứ tự quan trọng. Điều này giúp giáo viên quản lí thời gian của giờ học và hoàn thành được các mục tiêu quan trọng phòng trường hợp thiếu thời gian.

Bước 2: Xác định và lên kế hoạch cho các hoạt động học tập

Đây là phần chính của giáo án. Giáo viên cần chuẩn bị các cách khác nhau để giảng dạy (ví dụ: sử dụng các ví dụ thực, sử dụng tranh ảnh, giáo cụ trực quan...) để tạo hứng thú học tập của học sinh và đáp ứng các phong cách học tập khác nhau. Khi lên kế hoạch cho các hoạt động học tập giáo viên cần dự tính mỗi hoạt động học tập sẽ diễn ra trong bao lâu. Một số câu hỏi sau sẽ giúp giáo viên lên kế hoạch cho các hoạt động giảng dạy tốt hơn:

- + Tôi sẽ làm gì để dạy kiến thức mới?
- + Tôi sẽ làm gì để dạy kiến thức mới theo một cách khác?
- + Tôi sẽ tạo hứng thú học tập cho học sinh như thế nào?
- + Các ví dụ cụ thể hay các tình huống nào có thể giúp học sinh hiểu kiến thức mới?
- + Học sinh sẽ cần làm gì để giúp bản thân các em hiểu kiến thức mới tốt hơn?

Bước 3: Lên kế hoạch kiểm tra mức độ hiểu kiến thức của học sinh

Việc kiểm tra mức độ hiểu kiến thức mới của học sinh rất quan trọng. Giáo viên cần xác định các câu hỏi cụ thể để kiểm tra mức độ hiểu kiến thức mới của học sinh, viết các câu hỏi đó ra và sau đó thay đổi câu chữ để tạo ra các câu hỏi khác nhau. Giáo viên cũng nên dự đoán các câu trả lời cho các câu hỏi đó và xác định phương thức trả lời câu hỏi. Các câu hỏi này có thể là các hoạt động học tập hay các bài tập. Một số câu hỏi sau sẽ giúp giáo viên thực hiện bước này:

- + Tôi sẽ hỏi học sinh các câu hỏi nào để kiểm tra mức độ hiểu kiến thức của các em?/ Các em sẽ tham gia các hoạt động nào hoặc làm các bài tập nào để thể hiện mức độ hiểu kiến thức mới?
- + Tôi sẽ yêu cầu các em làm gì để thể hiện rằng các em đang hiểu bài?
- + Các hoạt động học tập nào tôi sẽ yêu cầu học sinh tham gia để kiểm tra xem mục tiêu học tập nào đã được hoàn thành?

Bước 4: Lên kế hoạch cho phần kết thúc giờ học

Xác định các cách khác nhau để tổng kết lại các mảng kiến thức/ kĩ năng học sinh đã học được trong bài. Giáo viên có thể có các cách khác nhau để tổng kết giờ học như tự mình tổng kết các điểm chính của giờ học hay yêu cầu học sinh tóm tắt lại các điểm chính. Ngoài việc này, giáo viên nên giới thiệu qua cho học sinh về nội dung bài học tiếp theo. Điều này có thể tạo hứng thú cho học sinh và kết nối giờ học này với các giờ học khác.

II. BÀI SOẠN MINH HỌA

Unit **9** NATURAL DISASTERS

Objectives:

By the end of this unit, students will be able to:

- use the words related to types of natural disasters and words describing natural disasters;
- pronounce the words ending in -al and -ous with the correct stress;
- use the past continuous;
- give and respond to bad news;
- read for specific information about natural disasters;
- talk about a natural disaster;
- listen for specific information about things to do before, during, and after a natural disaster;
- write instructions about things to do before, during and after a natural disaster.

WARM-UP & INTRODUCTION

Aims:

- **To create an active atmosphere in the class before the lesson;**
- **To lead into the new unit.**
- Before Ss open their books, show pictures of common natural disasters in Viet Nam.
- Elicit the phrase natural disasters. Tell them that natural disasters are sudden and violent events in nature (such as an earthquake, hurricane, or flood) that kill or injure a lot of people and/or cause a lot of damage. Ask them what they know about natural disasters.
- Write the unit title on the board Natural Disasters. Let Ss open their books and start the lesson.
- Share with Ss the objectives of the lesson (it is a good idea to write the objectives in a corner of the board and leave them there or put them on a slide to show Ss). Have Ss open their Student's Book and start the lesson.



GETTING STARTED

WE ARE ALL SAFE!

ACTIVITY 1

Aims:

- To set the context for the introductory dialogue;
- To introduce the topic of the unit and the vocabulary to be learnt.
- Ask Ss to look at the picture on pages 92 – 93 and answer the questions below:
 - What can you see in the picture?
 - What natural disaster is it?
- Elicit answers from Ss.
- Introduce the two characters: Tom and Mi. Explain that they are friends and they are talking about natural disasters.
- Play the recording twice for Ss to listen and read along. Have Ss underline the words that are related to the topic of the unit while they are listening and reading.
- Have Ss practise the conversation in pairs, then invite some pairs to read the conversation aloud.
- Have Ss say the words in the text that they think are related to the topic of the unit. Quickly write the words on one part of the board or show the conversation on a slide and highlight the words. Comment on Ss' answers.

Audio script – Track 54:

Tom: You look pretty sad, Mi. What's the matter?

Mi: My uncle called us this morning. Our home town has been affected by a flood. It's the second time this year.

Tom: I'm sorry to hear that. How are things there now?

Mi: My uncle, his wife, and his children are all safe. They moved everything to the second floor of their house last night. Are there natural disasters in your home town in the US?

Tom: Yes, we sometimes have tornadoes.

Mi: Tornadoes? Sounds strange. What's a tornado?

Tom: It's a violent storm that moves in a circle with very strong winds. I still remember the tornado we had last year.

Mi: What happened?

Tom: One evening my parents and I were having dinner. Suddenly we heard a very loud noise. When we looked out of the window, we saw a big funnel of wind moving towards us.

Mi: Did it cause any damage?

Tom: Yes, a lot. It damaged the roof of our house and pulled up some trees in our yard. Fortunately, no one was hurt.

Unit 9 NATURAL DISASTERS

THIS UNIT INCLUDES:

Vocabulary

- Types of natural disasters
- Verbs describing natural disasters

Pronunciation

- Stress in words ending in /t/ and /s/

Grammar

- Past continuous

Skills

- Reading about natural disasters
- Talking about a natural disaster
- Listening about things to do before, during, and after a natural disaster
- Writing instructions about things to do before, during, and after a natural disaster

Everyday English

- Giving and responding to bad news

GETTING STARTED

We are all safe!

1 Listen and read.

Tom: You look pretty sad, Mi. What's the matter?

Mi: My uncle called us this morning. Our home town has been affected by a flood. It's the second time this year.

Tom: I'm sorry to hear that. How are things there now?

Mi: My uncle, his wife, and his children are all safe. They moved everything to the second floor of their house last night. Are there natural disasters in your home town in the US?

Tom: Yes, we sometimes have tornadoes.

Mi: Tornadoes? Sounds strange. What's a tornado?

Tom: It's a violent storm that moves in a circle with very strong winds. I still remember the tornado we had last year.

Mi: What happened?

Tom: One evening my parents and I were having dinner. Suddenly, we heard a very loud noise. When we looked out of the window, we saw a big funnel of wind moving towards us.

Mi: Did it cause any damage?

Tom: Yes, a lot. It damaged the roof of our house and pulled up some trees in our yard. Fortunately, no one was hurt.

92 Tiếng Anh 8

EXTRA ACTIVITY

1. Put students into pairs.
2. Each pair works together to reread the dialogue and underline what they think are the five most important sentences.
3. The pairs write these five sentences on a sheet of A4 paper in the order that they appear in the dialogue.
4. Leave a quick discussion about some of the most important words from the text that represent the key ideas and write them on the board.
5. Students using their five sentences as well as the key ideas on the board work together to write a summary of the text in three sentences.
6. Pairs compare their summary.

ACTIVITY 2

Aim: To help Ss understand the conversation.

- First, ask Ss to read the sentences and fill in the blanks without reading the conversation again.
- Elicit the answers from Ss. Quickly write these answers on the board.
- Now have them read the conversation again to check their answers.
- Allow them to share the answers with a partner before discussing as a class.
- Ask Ss for their answers again, referring to the answers that have been previously written on the board.
- Confirm the correct answers.

Key: 1. flood 2. second floor 3. natural disaster
4. were having 5. pulled

ACTIVITY 3

Aim: To introduce the names of some natural disasters.

- Ask Ss to look at the pictures and say if they can name the natural disaster shown in each picture.
- Have Ss work individually to write the natural disasters in the box under the pictures.
- Have them compare their answers with a partner.
- Invite some Ss to go to the board and write their answers.
- Confirm the correct answers.
- Have some Ss practise saying the natural disasters again.

Key + Audio script – Track 55:

1. flood 2. tornado 3. volcanic eruption
4. storm 5. landslide 6. earthquake

2 Read the conversation again. Complete each sentence with no more than TWO words from it.

1. There is a _____ in Mi's home town.
2. Her uncle's family had to move everything to the _____ last night.
3. A tornado is an example of a _____.
4. Tom's family _____ dinner when the tornado came.
5. The tornado damaged their roof and _____ up some trees in their yard.

3 Write the natural disasters from the box under the pictures. Then listen, check, and repeat.

volcanic eruption storm
earthquake tornado
landslide flood



1. _____



2. _____



3. _____



4. _____



5. _____



6. _____

ACTIVITY 4

Aim: To help Ss understand the meaning of the words and phrase indicating natural disasters in 3.

- Have Ss work in pairs, read the sentences and choose the correct answers.
- Ask for Ss' answers and confirm the correct ones.
- For a more able class, have Ss work in pairs to do the activity and explain why the other word is not the correct answer.

Key: 1. volcanic eruption 2. earthquake
 3. landslide 4. storms
 5. tornado

ACTIVITY 5

Aim: To help Ss revise the words and phrases indicating natural disasters.

- Set time (3 - 5 minutes) for Ss to do this activity.
- Have Ss work in groups to complete the word web with all the words and phrases related to natural disasters they know. Tell Ss that they can include the words and phrases learnt in this lesson or other words. Invite some Ss to share their group's answers with the class.
- For a more able class, after Ss have finished the word web, ask them to make some sentences with the words they have written.

WRAP-UP

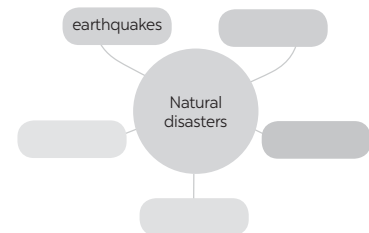
- Ask one or two Ss to tell the class what they have learnt. Draw Ss' attention to the objectives on the board or show them the slide with the objectives. Tick the objectives that have been learnt.
- Ask Ss to say aloud some words and phrases they remember from the lesson.
- If there is a projector in the classroom, show the dialogue and highlight the key words related to the topic. It would be helpful to also highlight in the dialogue the past continuous and the words ending in *-al* and *-ous*. Tell Ss that they will learn these language points in the upcoming lessons.

4 Choose the correct option to complete each sentence.

1. When there is a(n) earthquake / volcanic eruption, hot gases and liquid rock pour out from a mountain.
2. Oh, the house is shaking! I think we're having a(n) earthquake / flood.
3. We wanted to travel to Ha Giang, but there was a tornado / landslide. Some big rocks and mud came down the mountains.
4. Every year more than ten floods / storms with strong winds and rain cause damage in our country.
5. A tornado / storm looks like a huge funnel and causes a lot of damage. Its strong winds can reach 480 km per hour.

5 Word web

Work in groups. Complete the web with all of the words and phrases related to natural disasters you know.



A CLOSER LOOK 1

WARM UP

Aims:

- To create an active atmosphere in the class before the lesson;
- To lead into the new lesson.
- Show some pictures of the natural disasters Ss learnt in the previous lesson. Have some Ss say the disasters aloud. Lead into this lesson which focuses on words and phrases related to natural disasters and stress in words ending in *-al* and *-ous*.
- Share with Ss the objectives of the lesson (it is a good idea to write the objectives in a corner of the board and leave them there or put them on a slide to show Ss) and have Ss open their books and start the lesson.

Vocabulary

ACTIVITY 1

Aim: To present some verbs and nouns related to natural disasters.

- Have Ss read the verbs in column A and try to give the noun forms of these verbs.
- Let Ss work in pairs to compare their answers before giving the answers.
- Have some Ss write their answers on the board. Check and confirm the correct answers.
- For a more able class, give Ss some sentences with a blank in each. Ask Ss to fill each blank with a verb or noun learnt in this activity.

Key: 1. destruction 2. eruption 3. warning
4. prediction 5. damage

ACTIVITY 2

Aim: To present some words and phrases related to natural disasters.

- Have Ss do this activity individually. Let them share their answers in pairs. Invite some Ss to give the answers and confirm the correct ones.
- Ask Ss to make sentences with some of the expressions they have learnt. Invite Ss to share their sentences. This activity can be carried out as a competitive game. Ask Ss to work in groups and make as many sentences as possible with the words and phrases. The group with the most sentences wins and will be asked to say their sentences aloud.

A CLOSER LOOK 1

Vocabulary

1 In column B, write the noun forms of the verbs in column A.

A	B
1. destroy	
2. erupt	
3. warn	
4. predict	
5. damage	

2 Write a word or phrase from the box under the correct picture.

emergency kit victim
rescue worker property
whistle



1. _____



2. _____



3. _____



4. _____



5. _____

Key: 1. whistle

2. property

3. emergency kit

4. victim

5. rescue worker

ACTIVITY 3

Aim: To give Ss further practice with words and phrases related to natural disasters.

- Have Ss do this activity individually. Have Ss read all the sentences carefully to make sure they understand the sentences and fill in the blanks with the words and phrases in the box.
- Let them share their answers in pairs. Invite some Ss to give the answers and confirm the correct ones.

Key: 1. damage

2. warning

3. emergency kit

4. predict

5. property

- After Ss have finished this activity, T can organise a short vocabulary game, such as Slap the board, for Ss to revise all the words and phrases they have learnt.

Pronunciation

Stress in words ending in -al and -ous

ACTIVITY 4

Aims:

- To help Ss identify the stress in words ending in *-al* and *-ous*;
- To help Ss practise pronouncing these words with correct stress.

- Have some Ss read out the words first. Then play the recording for them to listen and repeat the words they hear. Play the recording as many times as necessary.
- Explain that these words have stress on the first syllable. Tell Ss that the endings *-al* and *-ous* do not change the stress pattern of the original words. For example, the word music has the stress on the first syllable, and when we add *-al* to it, the stress is still on the first syllable.
- Ask Ss to work in pairs to practise saying the words. Invite some Ss to say the words aloud.

Audio script – Track 56:

musical

dangerous

humorous

national

practical

poisonous

personal

marvellous

3 Fill in each blank with a word or phrase from the box.

warning predict property
damage emergency kit

1. Natural disasters can cause serious _____ to human life.
2. Local authorities gave a flood _____ yesterday, so today people are moving to safer places.
3. To prepare for a natural disaster, we should make a(n) _____.
4. It's hard to believe that we cannot _____ when earthquakes will happen.
5. They lost all of their _____ because of the volcanic eruption.

Pronunciation

Stress in words ending in -al and -ous

4 Listen and repeat the words. Pay attention to the word stress. 

musical dangerous humorous
national practical poisonous
personal marvellous

ACTIVITY 5

Aim: To help Ss stress the words ending in *-al* and *-ous* correctly and read the sentences including these words with correct stress.

- Have Ss quickly read the sentences. Play the recording for Ss to listen to the sentences. Ask them to pay attention to the underlined words and put stress on the correct syllable in each word.
- Invite some Ss to share their answers. Confirm the correct ones.
- Play the recording again for Ss to repeat the sentences.
- Have Ss practise the sentences in pairs. Invite some pairs to read the sentences aloud.

Key + Audio script – Track 57:

1. The flood victims are collecting their ' personal property.
2. Avoid ' dangerous places, such as windows or bookcases, during an earthquake.
3. There are ' numerous ' tropical storms in this area every year.
4. Some ' natural disasters, such as landslides, usually happen in ' mountainous areas.
5. She gave us ' practical tips about treating ' poisonous wastes.

WRAP-UP

Ask one or two Ss to tell the class what they have learnt. Draw Ss' attention to the objectives on the board or show them the slide with the objectives. Tick the objectives that have been learnt.

A CLOSER LOOK 2

Grammar

The past continuous

WARM-UP

Aim: To lead into the new lesson.

- Say one sentence about yourself, using the past continuous: *At 8 p.m. yesterday I was watching TV. What were you doing at that time?*
- Invite some Ss to answer the question. Quickly write the sentence about yourself and some Ss' answers on the board. If Ss don't use the past continuous, still accept their answers.
- Underline the form of the past continuous in your sentence, and then correct Ss' answers if they do not include the past continuous in their sentences.
- Tell them that today they are going to learn the past continuous. Lead to the lesson.
- Introduce the objectives of the lesson. Write the objectives in the left corner of the board.

5 Listen and repeat the sentences. Mark the stress in the underlined words. (56)

1. The flood victims are collecting their personal property.
2. Avoid dangerous places, such as windows or bookcases, during an earthquake.
3. There are numerous tropical storms in this area every year.
4. Some natural disasters, such as landslides, usually happen in mountainous areas.
5. She gave us practical tips about treating poisonous wastes.

A CLOSER LOOK 2

Grammar

The past continuous

Remember!

- We use the past continuous to describe:
- an action that was happening at a particular time in the past.
Example: I **was having** dinner at 6 p.m. yesterday.
Were you **having** dinner at 6 p.m. yesterday? – Yes, I was.
 - a past action that was happening when another action interrupted it.
We use the past simple for the action that interrupted it.
Example: When / While we **were watching** TV, we felt the earthquake. What **were** they **doing** when they felt the earthquake? – They **were watching** TV.
- Notes:**
- We can use *when* or *while* before the past continuous.
 - We can only use *when* before the past simple.

Presentation of the past continuous

- Draw Ss' attention to the sentences on the board again. Ask Ss the question: *What is the form of the past continuous?*
- Invite some Ss to answer the questions. Then write their answers on the board. Confirm the correct answer.

Form of the past continuous:

(+) S + was / were + V-ing

(-) S + was not (wasn't) / were not (weren't) + V-ing

(?) Was / Were + S + V-ing?

- Have Ss read the **Remember!** box in the book to help them understand the uses of the past continuous. Explain each rule again if necessary. To explain the second use of the past continuous, draw this diagram:

When we were watching TV, we felt the earthquake.



Past continuous: were watching (the action that was happening)

Past simple: felt (the action that interrupted)

- Encourage Ss to give their own examples with this tense.

ACTIVITY 1

Aim: To help Ss practise the form of the past continuous.

- Ask Ss to do the exercise in pairs and then check their answers with another pair.
- Invite some Ss to share their answers. Confirm the correct answers.

Key: 1. were helping

2. was snowing

3. was working

4. were ... doing; was watching

5. Were ... crying

EXTRA ACTIVITY

1. Introduce to the class the concept of a timeline. Then using the timeline, illustrate the concept of present simple and past simple.
2. Students work individually to create their own timeline and illustrate the concept of past continuous.
3. Students find a partner and explain their timelines.
4. Have one student or two come to the front of the class and draw their timeline(s) on the board and explain it.

1 Complete the sentences by putting the verbs in brackets into the past continuous.

1. They (help) _____ the flood victims at 10 o'clock last night.
2. It (not snow) _____ when I left home this afternoon.
3. While she (work) _____ in the field, the tornado came.
4. – What _____ you (do) _____ at 9 o'clock yesterday morning?
– I (watch) _____ the news about a volcanic eruption.
5. – _____ you (cry) _____ when I saw you two days ago?
– No, I wasn't.

ACTIVITY 2

Aim: To help Ss distinguish the past simple and the past continuous.

- Have Ss do this exercise individually and then compare their answers with a partner.
- Ask some Ss to share their answers. Confirm the correct answers.

Key: 1. donated
2. were you doing; was sleeping
3. were camping; came
4. ran, moved
5. wasn't reading; was watching

ACTIVITY 3

Aim: To give Ss further practice with the past continuous.

- Ask Ss who they can see in the picture and what they are doing. Describe the situation to Ss and ask them to describe the actions of the people in the picture, using the past continuous and the words / phrases given in the box.
- Have Ss do this exercise individually and then compare their answers with another classmate's.
- Invite some Ss to write their answers on the board.
- Check the answers with the whole class. Confirm the correct answers.

Key:
1. Lan's grandparents were watching TV.
2. Lan's / Her mother was reading a book.
3. Lan's / Her father was drinking tea.
4. Lan was talking on the phone.
5. Lan's / Her brother was drawing.

ACTIVITY 4

Aim: To give Ss further practice with the past continuous.

- Have Ss read the example carefully. Explain what they have to do.
- Ask Ss to work in pairs to do this activity. They make the questions and then practise asking and answering.
- Invite some pairs to ask and answer the questions in front of the class.
- Comment on their answers. Accept different answers provided that they are correct and logical.

2 Circle the correct answer to complete each sentence.

1. We donated / were donating money to help the earthquake victims last month.
2. - What did you do / were you doing when the volcano erupted?
- I slept / was sleeping in my bed.
3. While they camped / were camping near the river, the flood was coming / came suddenly.
4. After Tom ran / was running out of his house, he moved / was moving quickly to a safer place.
5. I didn't read / wasn't reading a newspaper at 9 a.m. yesterday, but I watched / was watching the news about the tornado.

3 Look at the picture and write what each person in Lan's family was doing when the earthquake happened. Use the given word and phrases from the box.

watch TV draw
read a book drink tea
talk on the phone



4 Form questions using the past continuous. Then in pairs, ask and answer the questions.

Example:

you / play / football / 5 o'clock yesterday afternoon?

- Were you playing football at 5 o'clock yesterday afternoon?

- Yes, I was. / No, I wasn't. I was doing my homework.

1. you / have dinner / 7 o'clock yesterday evening?
2. you / do / homework / 8 o'clock yesterday evening?
3. you / watch / film / 9 o'clock yesterday evening?

Key:

1. Were you having dinner at 7 o'clock yesterday evening?
2. Were you doing your homework at 8 o'clock yesterday evening?
3. Were you watching a film at 9 o'clock yesterday evening?

ACTIVITY 5

Aim: To help Ss practise the past continuous with a game.

- Divide Ss into groups. Assign a group leader to keep watch of the game.
- Explain the rule of the game: The picture shows a class at break time. Now work in groups. Look at the picture for 1 minute. Take turns to say a sentence that describes what each person in the picture was doing. You score one point for every correct sentence. The student with the highest score in each group wins.
- Have groups play the game in about 3 - 5 minutes.
- Invite some groups to perform the game in front of the whole class. Comment on their performance.

Suggested answers:

- Mai was reading.
- Phong and Nick were playing chess.
- Lan and Ann were singing.
- Nam was cleaning the board.
- Mi and Ha were talking.

WRAP-UP

Ask Ss to summarise what they have learnt in the lesson. Have Ss look at the objectives written on the board at the beginning of the lesson and tick the objectives they have learnt.

COMMUNICATION

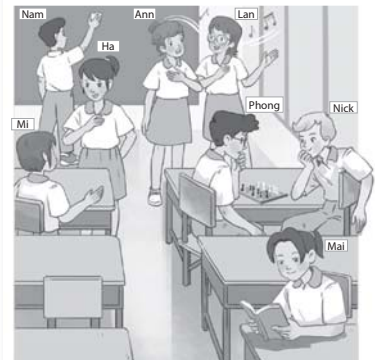
WARM-UP

Aims:

- **To create an active atmosphere in the class before the lesson;**
- **To lead into the new lesson.**
- Show some pictures of the hobbies that Ss learnt in the previous lessons. Ask some Ss to make sentences about themselves, using the verbs of liking / disliking.
- Introduce the objectives of the lesson: learning how to give and respond to bad news.

5 GAME Memory challenge

Work in groups. Take turns to say a sentence that describes what each person in the picture was doing.



COMMUNICATION

Everyday English

Giving and responding to bad news

- 1 Listen and read the dialogue below. Pay attention to the highlighted sentences.**

Mark: Phong, why are you so sad?
Phong: My grandparents called this morning. A flood destroyed their house.
Mark: I'm sorry to hear that.
Phong: It also damaged all of their crops.
Mark: That's awful. I hope your grandparents are safe.

- 2 Work in pairs. Practise giving and responding to bad news in the following situations.**

- You have a friend in a mountainous area. A landslide destroyed his family's garden yesterday. You share this news with your classmate.
- You hear that a big earthquake hit a city. You share this news with your classmate.

EXTRA ACTIVITY

1. Have students close their books.
2. Write on the board the four highlighted statements in 1 in the mixed order.
3. Put students into pairs and have them order the sentences correctly. Note that a number of different ordering keys are possible.
4. Read them over and discuss the meaning of the sentences.
5. Explain to the class that the four sentences can be grouped into two categories. Ask the class to try grouping the four sentences into two categories.
6. Explain that "A flood destroyed their house" and "It's also damaged all of their crops" are sentences explaining bad news. But the sentences "I'm sorry to hear that" and "That's awful!" are used to give bad news.
7. Ask students to think about how they respond to bad news in their own language and make any comparisons that are possible with similar expressions in English.

Everyday English

Giving and responding to bad news

ACTIVITY 1 + 2

Aims:

- To introduce ways of giving and responding to bad news;
- To help Ss practise giving and responding to bad news.

1

Play the recording for Ss to listen and read the dialogue between Mark and Phong. Ask Ss to pay attention to the highlighted sentences. Tell them that these are two ways to give and respond to bad news. Have Ss practise the dialogue in pairs. Call on some pairs to practise the dialogue in front of the class.

Audio script – Track 58:

Mark: Phong, why are you so sad?

Phong: My grandparents called this morning. A flood destroyed their house.

Mark: I'm sorry to hear that.

Phong: It also damaged all of their crops.

Mark: That's awful. I hope your grandparents are safe.

2

- Ask Ss to work in pairs to read the given situations and make similar dialogues, using the language they have learnt.
- Move around to observe and provide help. Call on some pairs to practise in front of the class. Comment on their performance.

KNOWLEDGE OF NATURAL DISASTERS

ACTIVITY 3

Aim: To help Ss identify the natural disasters described in the short texts.

- Ask Ss to work in pairs to read the three short texts and decide what natural disaster each person is talking about. Have them prepare an explanation for their answers.
- Elicit answers from Ss.
- Confirm the correct answers.

Key: Nam: landslide Ann: tornado Tom: earthquake

ACTIVITY 4

Aim: To check Ss' knowledge of different natural disasters with a questionnaire.

- Tell Ss that they are going to answer a questionnaire to see how much they know about natural disasters.
- Have Ss read through the questionnaire quickly and explain any new words.
- Ask Ss to answer the questions individually.

Key: 1. A 2. B 3. C 4. B 5. C 6. A

ACTIVITY 5

Aim: To provide Ss with a chance to communicate with each other and confirm their knowledge of natural disasters.

- Have Ss work in pairs to compare their answers. Ask them to note down the answers and then check them with the key on page 101. Have Ss calculate the points each of them earns.
- Ask some Ss to report their answers and points to the class.
- If time allows, ask Ss what they know about the disasters in the questionnaire.

WRAP-UP

Ask Ss to summarise what they have learnt in the lesson. Have Ss look at the objectives written on the board at the beginning of the lesson and tick the objectives they have learnt.

Knowledge of natural disasters

- 3** Read the short passages below. Decide which natural disaster each person below is talking about.



Nam

We were travelling on the road near a mountain. Suddenly, a lot of rocks and mud came down the mountain.



Ann

While I was working in the garden, I saw a big funnel of wind moving towards us very quickly.



Tom

Suddenly, everything in our living room began to shake. My sister and I quickly hid under the table.

- 4** Choose the correct answer to each question to see how much you know about natural disasters.

QUESTIONNAIRE

Question 1: Which of these may cause landslides?

- A. Heavy rain.
- B. Wind.
- C. Lightning.

Question 2: Which of these activities may cause landslides?

- A. Littering.
- B. Cutting down trees.
- C. Polluting the air.

Question 3: What scale is used for measuring earthquakes?

- A. Fahrenheit scale.
- B. Celsius scale.
- C. Richter scale.

Question 4: What natural disaster can an earthquake cause?

- A. A flood.
- B. A landslide.
- C. A tornado.

Question 5: What do tornadoes form from?

- A. An earthquake.
- B. A flood.
- C. A thunderstorm.

Question 6: Where do tornadoes mostly happen?

- A. In the USA.
- B. In the UK.
- C. In Viet Nam.

- 5** Work in pairs. Compare your answers. Then check your answers with the key on page 101. How many points did each of you get?

Chịu trách nhiệm xuất bản: Tổng Giám đốc **Hoàng Lê Bách**
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập **Phạm Vĩnh Thái**
Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo: Phó Tổng biên tập **Vũ Trung Chính**
Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội **Lê Thành Anh**

Biên tập nội dung: Nguyễn Hoài Linh - Đỗ Thu Giang
Thiết kế: Bùi Thị Vân Trang
Sửa bản in: Nguyễn Hoài Linh
Chế bản: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.

ENGLISH LANGUAGE TEACHER TRAINING MATERIAL 8
(TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MỚI
TIẾNG ANH 8 - GLOBAL SUCCESS)

Mã số:
Mã ISBN: **978-604-0-**
In ... bản, khổ 19 x 26.5 cm
Tại ...
Số ĐKXB :
Số QĐXB: .../QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2023